

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU

BỘ MÔN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



BÁO CÁO ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
THỜI TRANG-STYLEBLEND**

Trình độ đào tạo	:	Đại học
Hệ đào tạo	:	Chính quy
Ngành	:	Công nghệ thông tin
Chuyên ngành	:	Công nghệ thông tin
Niên khóa	:	2021 – 2025
Giảng viên hướng dẫn	:	ThS. Nguyễn Tấn Phương
Sinh viên thực hiện	:	Nguyễn Minh Tú
Mã sinh viên	:	21030228

Vũng Tàu, 8 tháng 1 năm 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU

BỘ MÔN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



BÁO CÁO ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
THỜI TRANG-STYLEBLEND**

Trình độ đào tạo	:	Đại học
Hệ đào tạo	:	Chính quy
Ngành	:	Công nghệ thông tin
Chuyên ngành	:	Công nghệ thông tin
Niên khóa	:	2021 – 2025
Giảng viên hướng dẫn	:	ThS. Nguyễn Tấn Phương
Sinh viên thực hiện	:	Nguyễn Minh Tú
Mã sinh viên	:	21030228

Vũng Tàu, 8 tháng 1 năm 2025

LỜI MỞ ĐẦU

Trong kỷ nguyên số hóa, việc xây dựng một trang web bán hàng chuyên nghiệp và cập nhật thường xuyên đã trở thành một yếu tố không thể thiếu đối với các doanh nghiệp, Website không chỉ là phương tiện truyền tải thông tin về sản phẩm mới, và thành tựu của công ty mà còn là công cụ hiệu quả để kết nối với khách hàng và đối tác, xây dựng lòng tin và nâng cao hình ảnh thương hiệu. Do vậy em đã chọn đồ án thiết kế website thương mại điện tử StyleBlend để có thể học hỏi, tìm hiểu và hiểu biết thêm những vấn đề cần thiết trong quá trình xây dựng một website thương mại điện tử.

Cuối cùng, Em xin gửi lời cảm ơn khoa Công nghệ - Kỹ thuật và các thầy cô trong khoa, đặc biệt là cảm ơn sâu sắc đến thầy ThS Nguyễn Tấn Phương đã tạo điều kiện và hỗ trợ em trong bài báo cáo, cũng mong chúng em sẽ nhận được những lời đóng góp của quý thầy, cô để chúng em có thể hoàn thiện tốt hơn.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	3
MỤC LỤC	4
DANH MỤC HÌNH ẢNH	8
Chương 1: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI	10
1.1 Lý do chọn đề tài:.....	10
1.2 Đối tượng nghiên cứu	11
1.3 Phương pháp nghiên cứu	11
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT	12
2.1 Định nghĩa về UI (User Interface) và UX (User Experience)	12
2.2 HTML (HyperText Markup Language)	13
2.3 CSS (Cascading Style Sheets)	13
2.4 Bootstrap	14
2.5 JavaScript	14
2.6 jQuery.....	14
2.7 LINQ	15
2.8 Cookie	15
2.8.1 Khái niệm về Cookie	15
2.8.2 Đặc điểm của Cookie	15
2.8.3 Phân loại Cookie.....	16
2.8.4. Chức năng của Cookie	16
2.8.5 Ưu điểm của Cookie	17

2.9 Giới thiệu về ASP.NET MVC	17
2.10 Mô hình MVC	17
a. Model (Mô hình)	17
b. View (Giao diện)	18
c. Controller (Bộ điều khiển)	18
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG	19
3.1. Nghiên cứu và phân tích doanh nghiệp.....	19
3.2 Phân tích bài toán	22
3.2.1 Bài toán:	22
3.2.2 Các tác nhân:	22
3.3. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG VỚI UML	23
3.3.1 Biểu đồ Usecase.....	23
3.3.2 Đặc tả Usecase.....	27
3.4. BIỂU ĐỒ TUẦN TỰ	34
3.4.1 Chức Năng Đăng Nhập	34
3.4.2 Chức Năng Đăng Ký.....	35
3.4.3 Chức Năng Đặt Hàng.....	36
3.4.4 Chức Năng Thêm Sản Phẩm.....	37
3.4.5 Chức Năng Sửa Thông Tin Sản Phẩm	38
3.4.6 Chức Năng Xóa Sản Phẩm	39
3.4.7 Chức Năng Tìm Kiếm Sản Phẩm.....	40
3.4.8 Hiện thị Sản phẩm.....	41

3.4.9 Chức năng quản lý slider	42
3.4.10 Chức năng quản lý đặt hàng.....	43
3.4.11 Chức năng quản lý tài khoản.....	44
3.5 THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU	45
3.5.1 Bảng Products	46
3.5.2 bảng Orders	46
3.5.3 Bảng OrderDetail	47
3.5.4 BảngAspNetUsers	47
3.5.5 BảngAspNetUserClaims	48
3.5.6 BảngAspNetUserLogins	48
3.5.7 BảngAspNetUserTokens	48
3.5.8 BảngAspNetRoles	48
3.5.9 Bảng MigrationsHistory.....	49
3.5.10 BảngAspNetUserRoles	49
3.5.11 BảngAspNetRoleClaims	49
3.5.12 Bảng Categories	49
3.5.13 Bảng Brands.....	50
3.5.14 Bảng Contacts	50
3.5.15 Bảng Slider.....	50
3.5.16 Bảng WishLists	50
CHƯƠNG 4: XÂY DỰNG HỆ THỐNG.....	51
4.1 Giao diện đăng nhập và đăng kí.....	51

a. Đăng nhập	51
b. Đăng ký	51
4.2 Trang Slider	52
4.3 Trang Cart	53
4.4 Thêm Category	54
4.6 Trang Brands	56
4.7 Trang Users	57
4.8 Trang Shipping	58
4.9 Trang Coupon	59
4.10 Trang quản lý Role	60
4.11 Trang Lịch sử mua hàng	61
CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN	62
5.1 Kết Luận	62
a. Ưu điểm:	62
b. Nhược điểm:	62
c. Hướng phát triển:	62
TÀI LIỆU THAM KHẢO	64

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1 Biểu đồ Use case Tổng quát.....	25
Hình 2: Biểu đồ Use Case Admin	26
Hình 3: Biểu đồ Use Case Người Dùng.....	26
Hình 4: Use Case Đăng Nhập (Người Dùng)	27
Hình 5: Use Case Đăng Ký Tài Khoản.....	28
Hình 6: Use Case Xem Thông Tin Sản Phẩm.....	29
Hình 7: Use Case Đặt Hàng	29
Hình 8: Use Case Tìm Kiếm Sản Phẩm.....	30
Hình 9: Use Case Đăng Nhập (ADMIN).....	31
Hình 10: Use Case Quản Lý Thông Tin.....	31
Hình 11: Use Case Quản Lý Sản Phẩm	32
Hình 12: Use Case Quản Lý Đơn Hàng.....	33
Hình 13: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Đăng Nhập.....	34
Hình 14: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Đăng Ký.....	35
Hình 15: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Đặt Hàng.....	36
Hình 16: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Thêm Sản Phẩm.....	37
Hình 17: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Sửa Thông Tin Sản Phẩm.....	38
Hình 18: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Xóa Sản Phẩm	39
Hình 19: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Tìm Kiếm Sản Phẩm	40
Hình 20 Sequence diagram chức năng Hiện thị sản phẩm	41
Hình 21 Quản lý slider	42

Hình 22 Quản lý đặt hàng	43
Hình 23: Quản lý tài khoản.....	44
Hình 24: Entity Relationship Diagram 2	45
Hình 25: Cơ sở dữ liệu.....	45
Hình 26: Đăng nhập UI.....	51
Hình 27: Đăng Kí UI.....	51
Hình 28 Trang Slider.....	52
Hình 29 Trang Cart	53
Hình 30 Category	54
Hình 31 Trang Order	55
Hình 32 Trang Brands	56
Hình 33 Trang User.....	57
Hình 34 Trang Shipping.....	58
Hình 35 Trang Coupon.....	59
Hình 36 Trang Role.....	60
Hình 37 Trang History	61

Chương 1: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI

1.1 Lý do chọn đề tài:

Cùng với xu hướng phát triển thương mại điện tử: việc xây dựng một trang web bán hàng chuyên nghiệp và cập nhật thường xuyên đã trở thành một yếu tố không thể thiếu đối với các doanh nghiệp, Website không chỉ là phương tiện truyền tải thông tin về sản phẩm mới, và thành Công của doanh nghiệp mà còn là công cụ hiệu quả để kết nối với khách hàng và đối tác, xây dựng lòng tin và nâng cao hình ảnh thương hiệu, đặc biệt là sau sự bùng nổ của các nền tảng mua sắm trực tuyến. Việc phát triển website thương mại điện tử đáp ứng nhu cầu này là một giải pháp thực tiễn và có tính ứng dụng cao. Do đó cần có một nền tảng tối ưu để cung cấp thông tin hàng hóa mới nhất cho khách hàng.

Ngoài ra, tầm quan trọng của giao diện người dùng (UI) và trải nghiệm người dùng (UX): Giao diện và trải nghiệm người dùng đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút và giữ chân người dùng. Một giao diện trực quan, dễ sử dụng sẽ giúp nâng cao hiệu quả tiếp cận và truyền tải thông tin.

Phù hợp với chiến lược phát triển của công ty: Việc thiết kế một website bán hàng chuyên về công nghệ sẽ không chỉ giúp công ty nâng cao vị thế trong ngành mà còn tạo ra một kênh thông tin hữu ích cho khách hàng và đối tác.

Ứng dụng thực tiễn: Đề tài không chỉ mang tính học thuật mà còn có giá trị ứng dụng cao, giúp công ty phát triển hệ thống truyền thông hiệu quả hơn.

Thị trường thời trang free size: Quần áo free size đang ngày càng phổ biến do tính tiện dụng, phù hợp với mọi đối tượng và xu hướng thời trang hiện đại.

Thúc đẩy trải nghiệm người dùng: Một website thương mại điện tử không chỉ giúp doanh nghiệp bán hàng mà còn cung cấp trải nghiệm mua sắm tiện lợi, tiết kiệm thời gian cho người dùng.

1.2 Đối tượng nghiên cứu

- Những người yêu thích thời trang, đặc biệt là dòng sản phẩm free size.
- Khách hàng mong muốn trải nghiệm mua sắm tiện lợi và nhanh chóng qua website.
- Xu hướng, đối thủ cạnh tranh, và hành vi mua sắm trực tuyến trong lĩnh vực thời trang.
- Nghiên cứu các công nghệ phát triển web hiện đại để ứng dụng vào dự án

1.3 Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập dữ liệu:
 - Khảo sát nhu cầu người tiêu dùng thông qua các bảng hỏi hoặc phỏng vấn.
 - Nghiên cứu các website thương mại điện tử hiện có để phân tích tính năng và giao diện người dùng.
- Phương pháp thiết kế:
 - Sử dụng mô hình Agile để quản lý quy trình phát triển phần mềm.
 - Áp dụng thiết kế giao diện người dùng (UI) và trải nghiệm người dùng (UX) dựa trên nguyên tắc đơn giản, thân thiện và trực quan.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1 Định nghĩa về UI (User Interface) và UX (User Experience)

Khái niệm UI: Giao diện người dùng (UI) là tập hợp các thành phần mà qua đó người dùng tương tác với sản phẩm hoặc dịch vụ kỹ thuật số. UI bao gồm tất cả các yếu tố trực quan như bố cục, màu sắc, văn bản, hình ảnh, và các yếu tố chức năng khác mà người dùng trực tiếp nhìn thấy và sử dụng. UI tốt phải dễ nhìn, dễ hiểu và dễ thao tác.

Khái niệm UX: Trải nghiệm người dùng (UX) đề cập đến toàn bộ cảm nhận và tương tác của người dùng với hệ thống, từ khía cạnh cảm xúc cho đến hiệu quả sử dụng. UX bao gồm các yếu tố như sự dễ dàng trong sử dụng, mức độ thỏa mãn của người dùng và hiệu quả của hệ thống trong việc đáp ứng nhu cầu của họ. Một thiết kế UX tốt phải đảm bảo rằng người dùng có thể đạt được mục tiêu của họ một cách hiệu quả và thoải mái.

Mối quan hệ giữa UI và UX: UI và UX có liên quan chặt chẽ nhưng khác nhau. UI tập trung vào việc thiết kế giao diện trực quan và dễ sử dụng, trong khi UX tập trung vào trải nghiệm tổng thể của người dùng khi tương tác với hệ thống. UI là phương tiện mà người dùng sử dụng để tương tác, trong khi UX liên quan đến cảm giác và sự hài lòng của người dùng trong quá trình đó.

Xu hướng thiết kế UI/UX hiện nay :

- Thiết kế tối giản (Minimalism): Tối giản hóa các yếu tố giao diện, giữ lại những thành phần cần thiết nhất để giúp người dùng dễ dàng tập trung vào nội dung quan trọng, cải thiện trải nghiệm.
- Thiết kế lấy người dùng làm trung tâm (User-Centered Design): Dựa trên nghiên cứu hành vi và nhu cầu của người dùng, giúp tạo ra giao diện trực quan, dễ hiểu, và đáp ứng đúng mục tiêu sử dụng.

- Tích hợp AI và cá nhân hóa (Personalization): Ứng dụng AI để phân tích hành vi người dùng, từ đó cung cấp nội dung và gợi ý phù hợp, mang lại trải nghiệm cá nhân hóa và thu hút hơn.
- Thiết kế đáp ứng (Responsive Design): Đảm bảo giao diện linh hoạt, hiển thị tốt trên mọi thiết bị từ điện thoại đến máy tính, mang lại trải nghiệm nhất quán và mượt mà cho người dùng.
- Tương tác vi mô (Micro-interactions): Những phản hồi nhỏ khi người dùng thực hiện các thao tác như nhấn nút, cuộn trang, giúp giao diện trở nên sinh động và dễ tương tác.

2.2 HTML (HyperText Markup Language)

HTML là ngôn ngữ đánh dấu tiêu chuẩn được sử dụng để tạo cấu trúc và nội dung cho trang web.

Vai trò:

- Xây dựng cấu trúc cơ bản của trang web, bao gồm các thành phần như tiêu đề, đoạn văn, hình ảnh, bảng, biểu mẫu.
- Là nền tảng để kết hợp với CSS và JavaScript tạo nên trang web hoàn chỉnh.

2.3 CSS (Cascading Style Sheets)

CSS là ngôn ngữ dùng để định dạng và trình bày giao diện của HTML.

Vai trò:

- Thiết kế bố cục, màu sắc, phông chữ, và các hiệu ứng giao diện.
- Tăng tính thẩm mỹ và trải nghiệm người dùng.
- Các loại CSS: Inline, Internal, và External CSS.

2.4 Bootstrap

Bootstrap là một framework CSS phổ biến, giúp xây dựng giao diện web nhanh chóng và tối ưu hóa cho nhiều loại thiết bị.

Vai trò:

- Cung cấp các thành phần giao diện sẵn có (button, navbar, card, modal,...).
- Thiết kế giao diện responsive.

2.5 JavaScript

JavaScript là ngôn ngữ lập trình phía client, giúp trang web trở nên động và tương tác.

Vai trò:

- Xử lý các sự kiện (click, hover, submit,...).
- Kiểm tra và xử lý dữ liệu trên trình duyệt trước khi gửi lên server.
- Kết hợp với AJAX để tải dữ liệu mà không cần tải lại trang.

2.6 jQuery

jQuery là một thư viện JavaScript giúp đơn giản hóa việc thao tác DOM, xử lý sự kiện, và AJAX.

Vai trò:

- Giảm số lượng mã JavaScript cần viết.
- Hỗ trợ tương thích trên nhiều trình duyệt.

2.7 LINQ

LINQ (Language Integrated Query)

LINQ là một cú pháp truy vấn tích hợp trong .NET, cho phép truy vấn dữ liệu từ nhiều nguồn như CSDL, tập hợp, XML,...

Vai trò:

- Truy vấn dữ liệu từ SQL Server, các danh sách hoặc đối tượng một cách đơn giản và trực quan.
- SQL Server là hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ được sử dụng để lưu trữ và quản lý dữ liệu.

2.8 Cookie

2.8.1 Khái niệm về Cookie

Cookie là một tập tin nhỏ được lưu trữ trên trình duyệt của người dùng bởi website. Cookie được sử dụng để lưu trữ thông tin nhằm nhận diện người dùng hoặc theo dõi hành động của họ trong các phiên làm việc.

2.8.2 Đặc điểm của Cookie

Kích thước nhỏ: Cookie có dung lượng tối đa khoảng 4KB.

Phạm vi truy cập: Cookie có thể được thiết lập để chỉ khả dụng với một số miền (domains) hoặc đường dẫn (paths).

Thời gian tồn tại: Cookie có thể tồn tại trong một phiên làm việc (session) hoặc được lưu trữ lâu hơn tùy thuộc vào thời gian hết hạn được thiết lập.

Truyền qua HTTP: Cookie được gửi kèm trong mỗi yêu cầu HTTP tới server, giảm bớt việc lưu trữ dữ liệu trên server.

2.8.3 Phân loại Cookie

Session Cookie

- Tồn tại trong phiên làm việc của trình duyệt.
- Bị xóa khi người dùng đóng trình duyệt.

Persistent Cookie

- Lưu trữ lâu dài trên trình duyệt với thời hạn cụ thể.
- Được sử dụng để lưu thông tin người dùng giữa các lần truy cập.

Secure Cookie

- Chỉ được truyền qua các kết nối HTTPS để bảo mật.

HttpOnly Cookie

- Chỉ có thể được truy cập bởi server, không thể truy cập thông qua JavaScript, giúp chống lại các cuộc tấn công XSS (Cross-Site Scripting).

Third-Party Cookie

- Được tạo bởi các domain khác ngoài domain của website đang truy cập. Chủ yếu dùng cho quảng cáo và theo dõi hành vi.

2.8.4. Chức năng của Cookie

- Quản lý phiên làm việc: Lưu trạng thái đăng nhập của người dùng.
- Theo dõi hành vi người dùng: Lưu lịch sử truy cập, giỏ hàng, hoặc sản phẩm yêu thích.
- Tùy chỉnh giao diện: Lưu các cấu hình như ngôn ngữ, giao diện tối/sáng.
- Phân tích dữ liệu: Dùng trong phân tích lưu lượng truy cập và hành vi người dùng.

2.8.5 Ưu điểm của Cookie

- Giảm tải lưu trữ trên server bằng cách lưu trữ dữ liệu trên trình duyệt.
- Tương thích với tất cả các trình duyệt hiện đại.
- Dễ dàng thiết lập và sử dụng trong các ứng dụng web.

2.9 Giới thiệu về ASP.NET MVC

ASP.NET MVC là một framework được Microsoft phát triển, dựa trên kiến trúc MVC, sử dụng .NET Framework hoặc .NET Core để xây dựng các ứng dụng web.

- **Tính năng chính:**
 - Phân tách rõ ràng giữa giao diện, logic xử lý, và dữ liệu.
 - Hỗ trợ kiểm thử tự động (Unit Test).
 - Khả năng mở rộng và bảo trì dễ dàng.
 - Hỗ trợ cú pháp Razor giúp viết mã HTML và C# đơn giản hơn.

2.10 Mô hình MVC

a. Model (Mô hình)

Model là phần đại diện cho dữ liệu và logic nghiệp vụ của ứng dụng.

- **Nhiệm vụ:**
 - Quản lý và xử lý dữ liệu.
 - Tương tác với cơ sở dữ liệu thông qua ORM (Entity Framework, Dapper) hoặc truy vấn SQL.
 - Xử lý các logic nghiệp vụ liên quan đến dữ liệu.

b. View (Giao diện)

View là phần giao diện người dùng, hiển thị dữ liệu từ Model thông qua Controller.

- **Nhiệm vụ:**

- Hiển thị dữ liệu dưới dạng HTML, CSS, và JavaScript.
- Tương tác với người dùng qua giao diện.

c. Controller (Bộ điều khiển)

Controller là phần trung gian giữa Model và View. Nó xử lý các yêu cầu từ người dùng, tương tác với Model, và chọn View phù hợp để trả về.

- **Nhiệm vụ:**

- Nhận các yêu cầu HTTP từ trình duyệt.
- Xử lý yêu cầu, tương tác với Model để lấy hoặc cập nhật dữ liệu.
- Chuyển dữ liệu tới View.

d. Quy trình hoạt động của ASP.NET MVC

- **Trình duyệt gửi yêu cầu HTTP đến server.**
- **Router** trong ASP.NET sẽ định tuyến (Routing) yêu cầu tới đúng Controller.
- **Controller** nhận yêu cầu, xử lý logic và lấy dữ liệu từ Model.
- **Model** xử lý và trả dữ liệu lại cho Controller.
- **Controller** chọn View phù hợp và truyền dữ liệu sang View.
- **View** hiển thị dữ liệu dưới dạng giao diện người dùng.
- Trả về phản hồi HTML cho trình duyệt

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG

3.1. Nghiên cứu và phân tích doanh nghiệp

Mô hình kinh doanh: Kinh doanh sản phẩm thời trang free size phù hợp với nhiều đối tượng, ai cũng có thể mặc được, không phân biệt số đo, cân nặng, chiều cao, giới tính hay vóc dáng.

Với đồ free size, người mua hàng không cần phải lo lắng về việc chọn kích cỡ phù hợp như size S, M hay L. Điều này đặc biệt có ích, giúp tiết kiệm thời gian cho mọi người vì không cần thử đồ lựa size trước khi mua.

Đặc biệt, khi mặc đồ free size, bạn sẽ không cần lo khi tăng cân quần áo sẽ bị chật và phải mua đồ mới thay thế.

Trang phục Free size chỉ sở hữu 1 kích thước duy nhất, đáp ứng được số đo của đa số nhiều người. Các outfit đồ free size dành cho nữ thường tối đa 65kg và nam giới có thể đạt 80-90 kg tùy thương hiệu.

Đối thủ cạnh tranh: Phân tích các đối thủ và đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của họ.

Chiến lược nội dung: Tập trung vào các loại nội dung như tin tức, đánh giá sản phẩm, xu hướng công nghệ và case study. Cần duy trì tần suất xuất bản và đảm bảo chất lượng nội dung.

SEO và tối ưu hóa nội dung: Tối ưu hóa từ khóa và cấu trúc bài viết để thu hút người đọc từ các công cụ tìm kiếm.

Mạng xã hội và cộng đồng: Sử dụng mạng xã hội để chia sẻ nội dung và xây dựng cộng đồng người đọc tham gia thảo luận.

Công nghệ sử dụng: asp.net MVC, Sql Server,...

Tăng trưởng và phát triển: Mở rộng nội dung để thu hút người dùng.

Tài chính và triển vọng dài hạn: Đánh giá chi phí vận hành, khả năng duy trì lợi nhuận và dự báo xu hướng ngành.

Xác định mục tiêu của website:

- Tăng trưởng lượng truy cập và tương tác: Mở rộng lượng truy cập và gia tăng sự tương tác của người dùng với nội dung trên website.
- Tối ưu hóa trải nghiệm người dùng (UX): Đảm bảo website dễ sử dụng, thân thiện với người đọc trên cả máy tính và thiết bị di động.
- Cải thiện độ tin cậy và uy tín: Xây dựng website trở thành website thương mại điện tử đáng tin cậy trong cộng đồng các tin đồ thời trang free size.
- Đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng: Cung cấp sản phẩm phục vụ nhiều nhóm đối tượng khác nhau (người tiêu dùng, doanh nghiệp, v.v.).
- Phát triển quan hệ với đối tác và nhà quảng cáo: Tăng cường hợp tác với các thương hiệu công nghệ để tạo nguồn thu từ quảng cáo và các dự án hợp tác.

Xác định các thành phần thiết kế:

Trang chủ:

- Các mục cần ngắn gọn, dễ hiểu.
- Các mục quan trọng cần nổi bật (có thể làm màu khác hoặc đậm hơn).
- Tính năng tìm kiếm nhanh (Search bar) cũng thường nằm trong thanh điều hướng.
- giúp người dùng dễ dàng quay lại trang chủ từ bất kỳ trang nào trên website.
- Có thể hỗ trợ gợi ý từ khóa khi người dùng nhập.
- Các sản phẩm được chọn lọc theo độ hot hoặc tính quan trọng.

- Mỗi Sản phẩm có một hình ảnh đại diện, tiêu đề, và một đoạn mô tả ngắn gọn.
- Đảm bảo sự đa dạng về hàng hóa

Trang Hàng hóa:

- Hình ảnh phải liên quan trực tiếp đến nội dung Sản phẩm
- Cần có chất lượng cao và kích thước phù hợp để không ảnh hưởng đến tốc độ tải trang.
- Có nút thêm vào giỏ hàng
- Bố cục rõ ràng, có đoạn văn ngắn gọn, dễ đọc.
- Cung cấp thông tin chính xác, có nguồn tin đáng tin cậy.
- Các nút chia sẻ xã hội thường nằm ở đầu và cuối.
- Cung cấp các tính năng bình luận đơn giản, có thể bao gồm các tính năng như "like", "tra lời" hoặc xếp hạng bình luận.
- Đảm bảo hệ thống bình luận không bị spam, có thể tích hợp các công cụ kiểm duyệt nội dung.
- Các sản phẩm liên quan có thể được đề xuất dựa trên thẻ tag, chuyên mục

Trang tài Khoản:

- Cho phép người dùng tạo tài khoản, đăng nhập để, thêm hàng vào giỏ, mua hàng, thanh toán

Trang Admin: Cho phép admin quản lý toàn bộ thông tin của website

Trang Giỏ Hàng: thanh toán và áp mã giảm giá

Trang Thanh Toán: thanh toán bằng vnpay,...

3.2 Phân tích bài toán

3.2.1 Bài toán:

Website của StyleBlend là một hệ thống cung cấp cho người sử dụng(User), nhà quản lý(Admin) những chức năng cần thiết để mua bán, quản lý những hoạt động của cửa hàng. Đối với khách hàng, hệ thống cho phép tìm kiếm, xem thông tin sản phẩm trên website và đặt hàng, mua hàng. Sau khi chọn hàng xong thì chuyển qua thanh toán, đồng thời chọn địa điểm và xác định thời gian giao hàng. Thực hiện xong khách hàng tiến hành xác nhận thanh toán và đợi nhận hàng từ bộ phận chuyển hàng và kết thúc giao dịch.

3.2.2 Các tác nhân:

- Khách thăm: là người ghé qua website, xem thông tin sản phẩm, Tìm kiếm sản phẩm
- Khách hàng: là những khách thăm đã đăng kí thành viên của hệ thống, xem thông tin sản phẩm, tìm kiếm sản phẩm, mua hàng, đặt hàng.
- Người quản trị: điều hành, quản lý và theo dõi mọi hoạt động của hệ thống: thêm sửa xóa thành viên, quyền, thêm sửa xóa sản phẩm, Thêm sửa xóa sản phẩm

3.3. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG VỚI UML

3.3.1 Biểu đồ Usecase

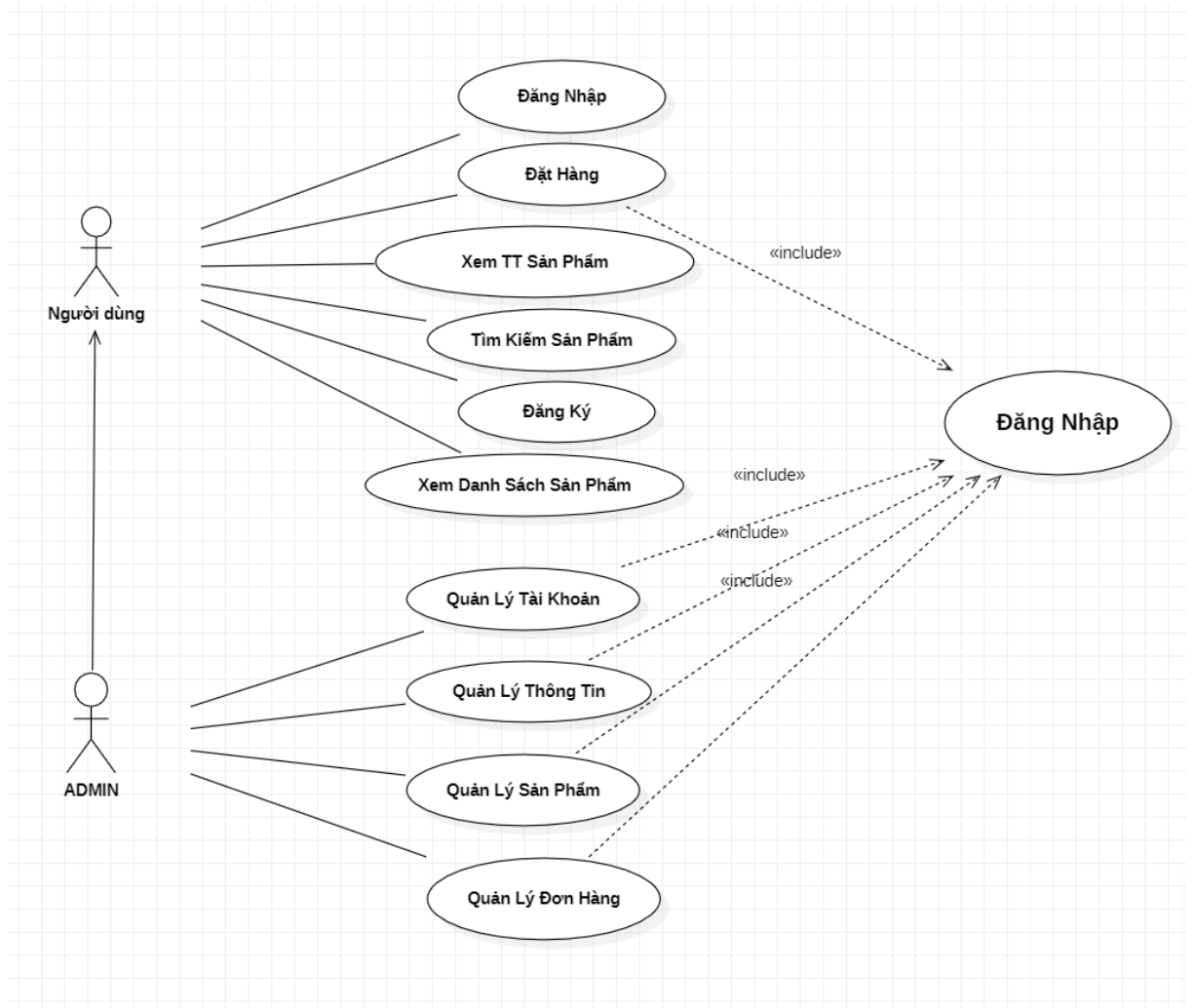
- Danh sách các Actor

STT	Tên Actor	Ý Nghĩa
1	ADMIN	Là người có toàn quyền tương tác với hệ thống, quyền sử dụng tất cả các chức năng mà website xây dựng, điều khiển và kiểm soát mọi hoạt động của website.
2	Người dùng	Là những người truy cập vào website, có thể đăng kí làm thành viên hoặc không. Người dùng chỉ có một số quyền nhất định đối với website.

- Danh sách các Use Case

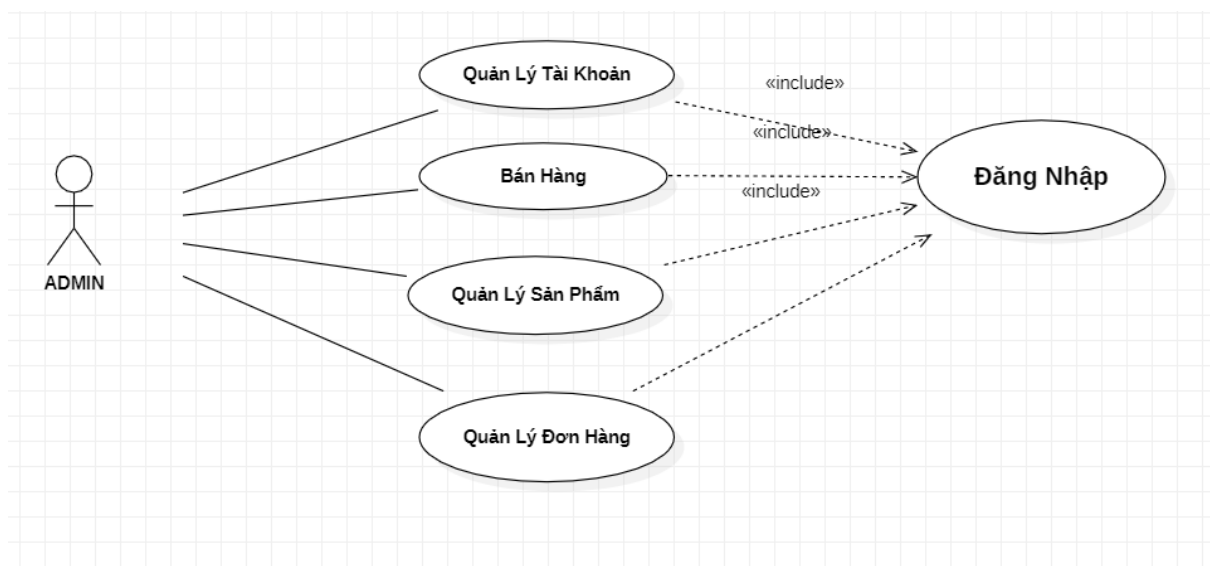
STT	Tên Use case	Ý nghĩa
1	Đăng nhập	Mô tả chức năng đăng nhập vào hệ thống của người dùng hoặc ADMIN.
2	Đăng ký	Mô tả chức năng đăng ký tài khoản của người dùng và ADMIN.
3	Đặt hàng	Mô tả chức năng đặt mua sản phẩm tại website của người dùng.
4	Xem thông tin sản phẩm	Mô tả chức năng xem thông tin sản phẩm trên website.
5	Tìm kiếm sản phẩm	Mô tả chức năng tìm kiếm các sản phẩm trên website.
6	Quản lý thông tin	Mô tả chức năng quản lý các thông tin như tài khoản người dùng, sản phẩm, nhà cung cấp của ADMIN.
7	Quản lý tài khoản	Mô tả chức năng quản lý các thông tin tài khoản người dùng của ADMIN
8	Quản lý sản phẩm	Mô tả các chức năng thêm xóa sửa sản phẩm của ADMIN.
9	Quản lý đơn hàng	Mô tả chức năng theo dõi đơn hàng của ADMIN.

3.3.1.1 Biểu Đồ Use Case Mức Tổng Quát



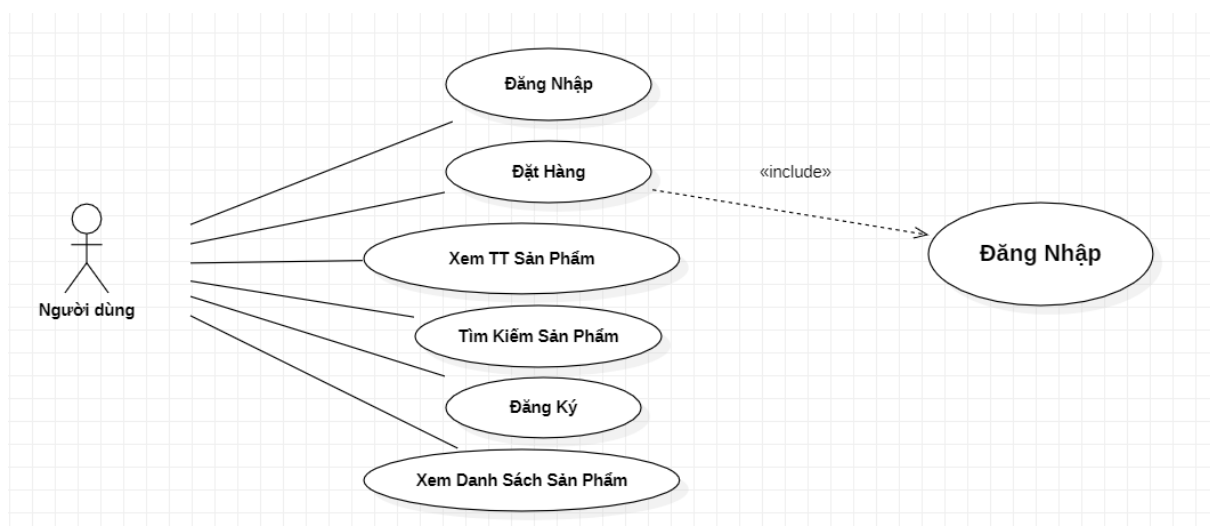
Hình 1 Biểu đồ Use case Tổng quát

3.3.1.2 Biểu Đồ Use Case ADMIN



Hình 2: Biểu đồ Use Case Admin

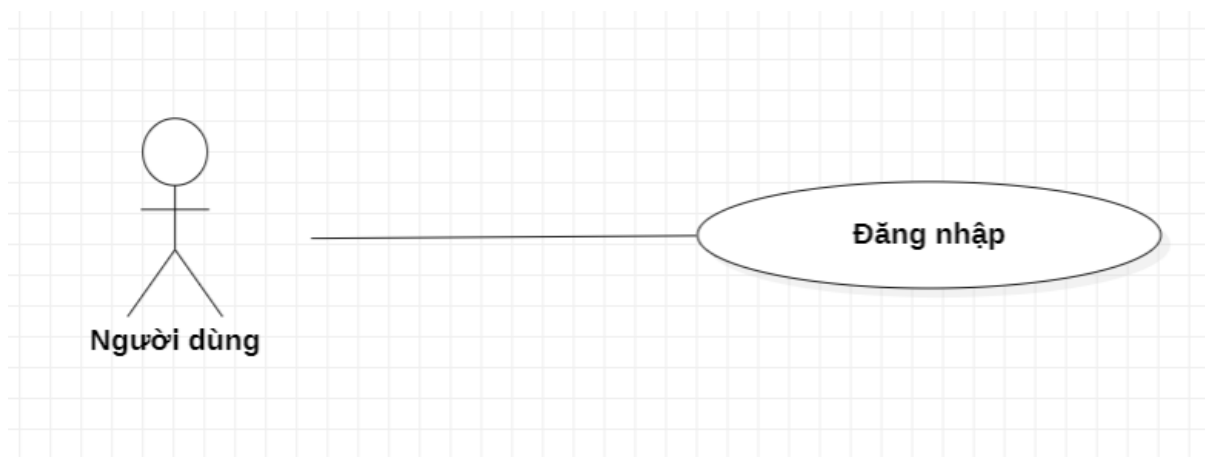
3.3.1.3 Biểu Đồ Use Case Người Dùng



Hình 3: Biểu đồ Use Case Người Dùng

3.3.2 Đặc tả Usecase

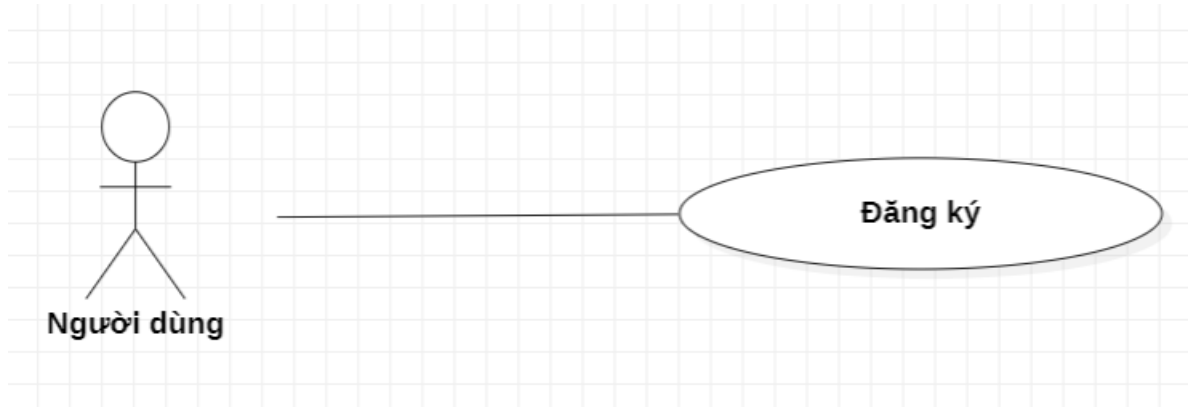
3.3.2.1 Đặc Tả Use Case Đăng Nhập (Người Dùng)



Hình 4: Use Case Đăng Nhập (Người Dùng)

Tác Nhân	Mô Tả Chung
Người Dùng	Actor Người dùng là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng đăng nhập vào website của người dùng. Sau khi đăng nhập vào website, lúc đó Người dùng mới có thể thực hiện được các chức năng khác, như là: Thanh toán tiền, Gửi ý kiến phản hồi...

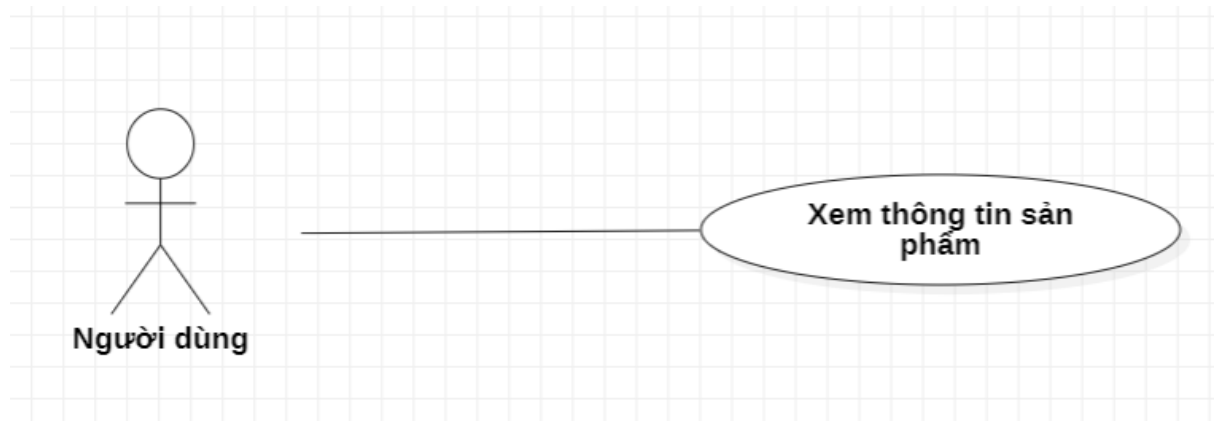
3.3.2.2 Đặc Tả Use Case Đăng Ký Tài Khoản



Hình 5: Use Case Đăng Ký Tài Khoản

Tác Nhân	Mô Tả Chung
Người Dùng	Actor Người dùng là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng đăng kí tài khoản của người dùng. Sau khi đăng kí tài khoản, lúc đó Người dùng mới có thể đăng nhập vào website và thực hiện được các chức năng như là: Thanh toán tiền, Gửi ý kiến phản hồi...

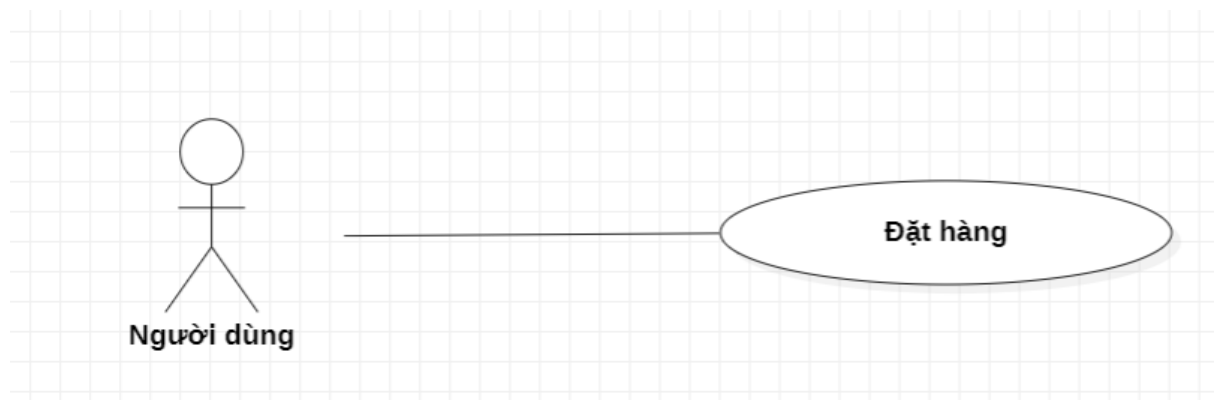
3.3.2.3 Đặc Tả Use Case Xem Thông Tin Sản Phẩm



Hình 6: Use Case Xem Thông Tin Sản Phẩm

Tác Nhân	Mô Tả Chung
Người Dùng	Actor Người dùng là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng xem thông tin sản phẩm của người dùng. Sau khi truy cập vào website người dùng có thể xem thông tin các sản phẩm có tại website

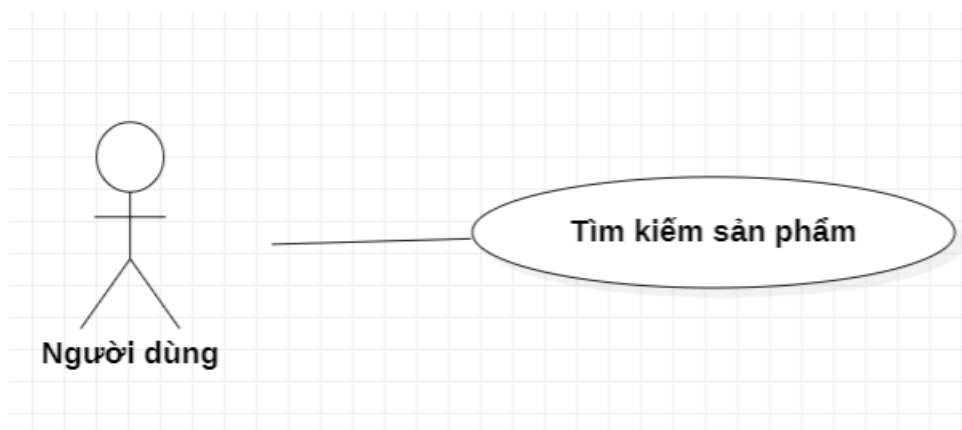
3.3.2.4 Đặc Tả Use Case Đặt Hàng



Hình 7: Use Case Đặt Hàng

Tác Nhân	Mô Tả Chung
Người Dùng	Actor Người dùng là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng đặt hàng sản phẩm của người dùng. Sau khi truy cập vào website và xem thông tin sản phẩm, người dùng có thể đặt mua sản phẩm mà mình cảm thấy vừa ý.

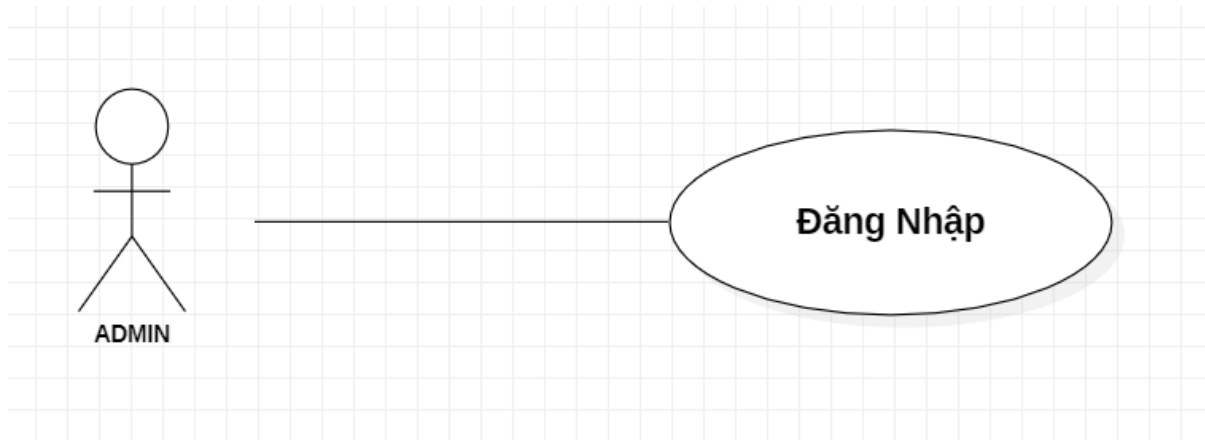
3.3.2.5 Đặc Tả Use Case Tìm Kiếm Sản Phẩm



Hình 8: Use Case Tìm Kiếm Sản Phẩm

Tác Nhân	Mô Tả Chung
Người Dùng	Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng tìm kiếm sản phẩm trong website.

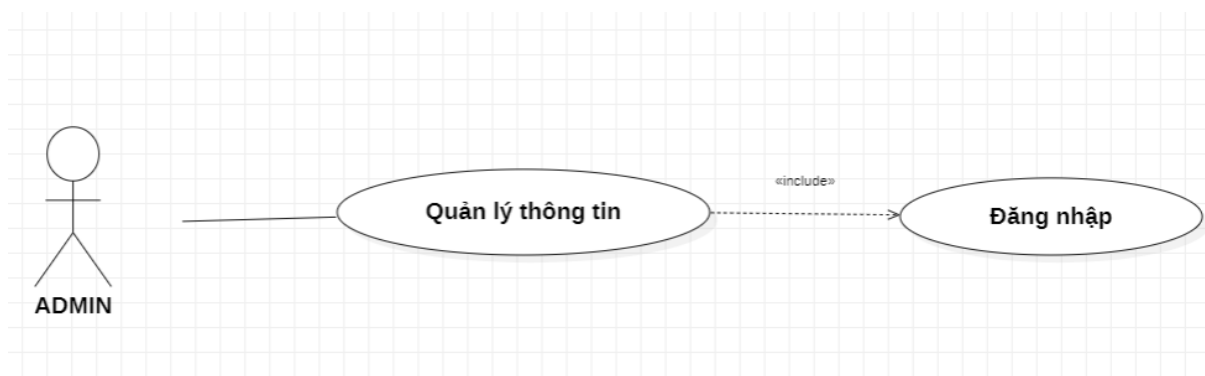
3.3.2.6 Đặc Tả Use Case Đăng Nhập (ADMIN)



Hình 9: Use Case Đăng Nhập (ADMIN)

Tác Nhân	Mô Tả Chung
ADMIN	Actor Admin là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng đăng nhập vào hệ thống của Admin. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, trang quản trị sẽ hiển thị và Admin sẽ sử dụng được các chức năng như quản lý.

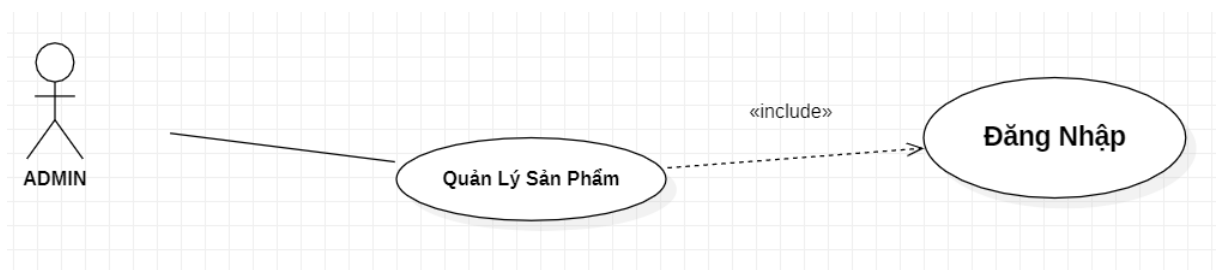
3.3.2.7 Đặc Tả Use Case Quản Lý Thông Tin



Hình 10: Use Case Quản Lý Thông Tin

Tác Nhân	Mô Tả Chung
ADMIN	Actor Admin là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng quản lý thông tin của Admin. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Admin có thể thêm, cập nhật thông tin, xóa các đối tượng có trong hệ thống như: sản phẩm, nhà cung cấp...

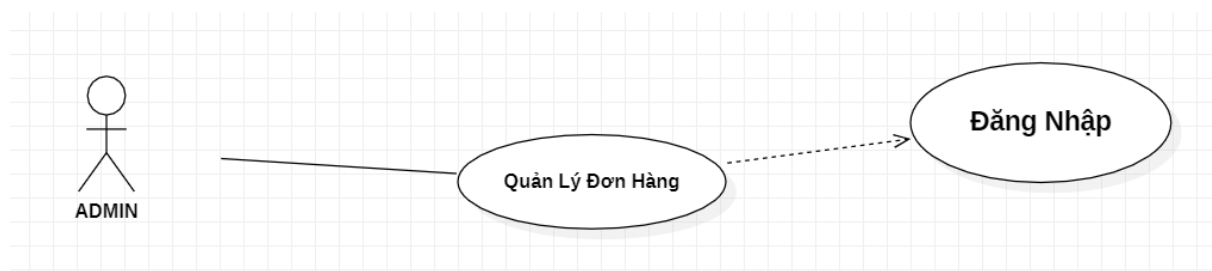
3.3.2.8 Đặc Tả Use Case Quản Lý Sản Phẩm



Hình 11: Use Case Quản Lý Sản Phẩm

Tác Nhân	Mô Tả Chung
ADMIN	Actor Admin là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng quản lý sản phẩm của Admin. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Admin có thể thêm, xóa, sửa sản phẩm.

3.3.2.9 Đặc Tả Use Case Quản Lý Đơn Hàng

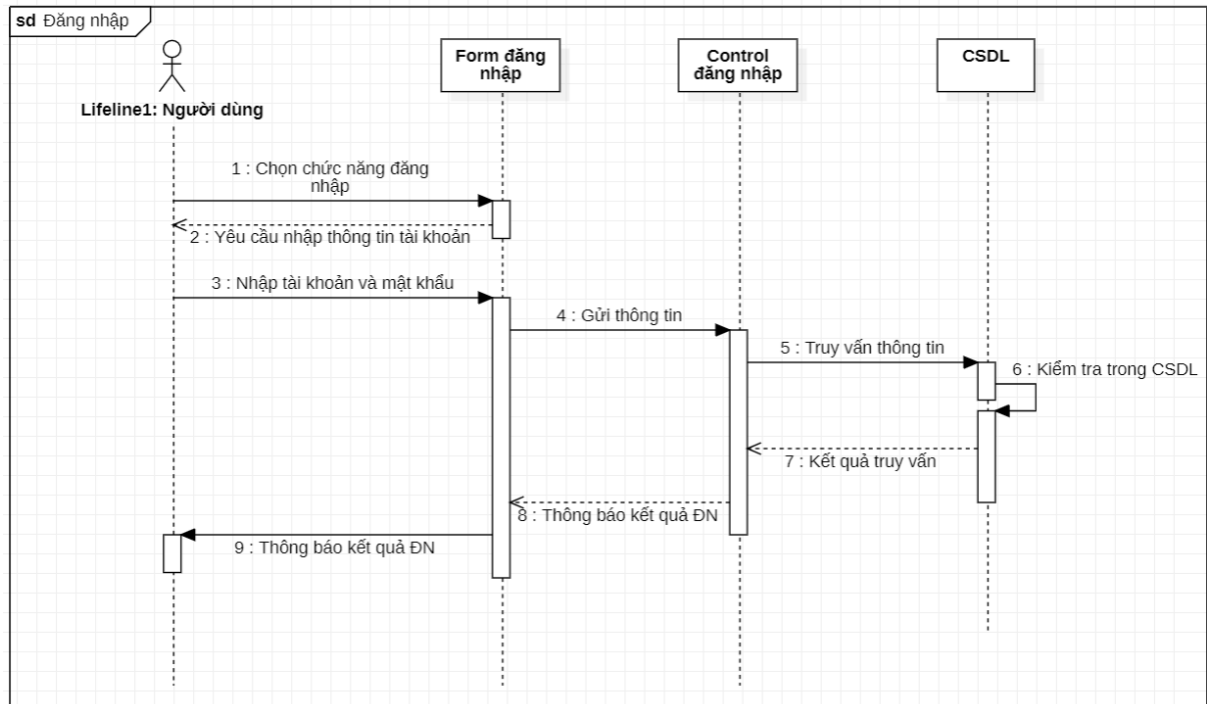


Hình 12: Use Case Quản Lý Đơn Hàng

Tác Nhân	Mô Tả Chung
ADMIN	Actor Admin là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng quản lý đơn hàng. Với chức năng này, Người dùng có thể thông tin đơn hàng mà khách hàng đã đặt.

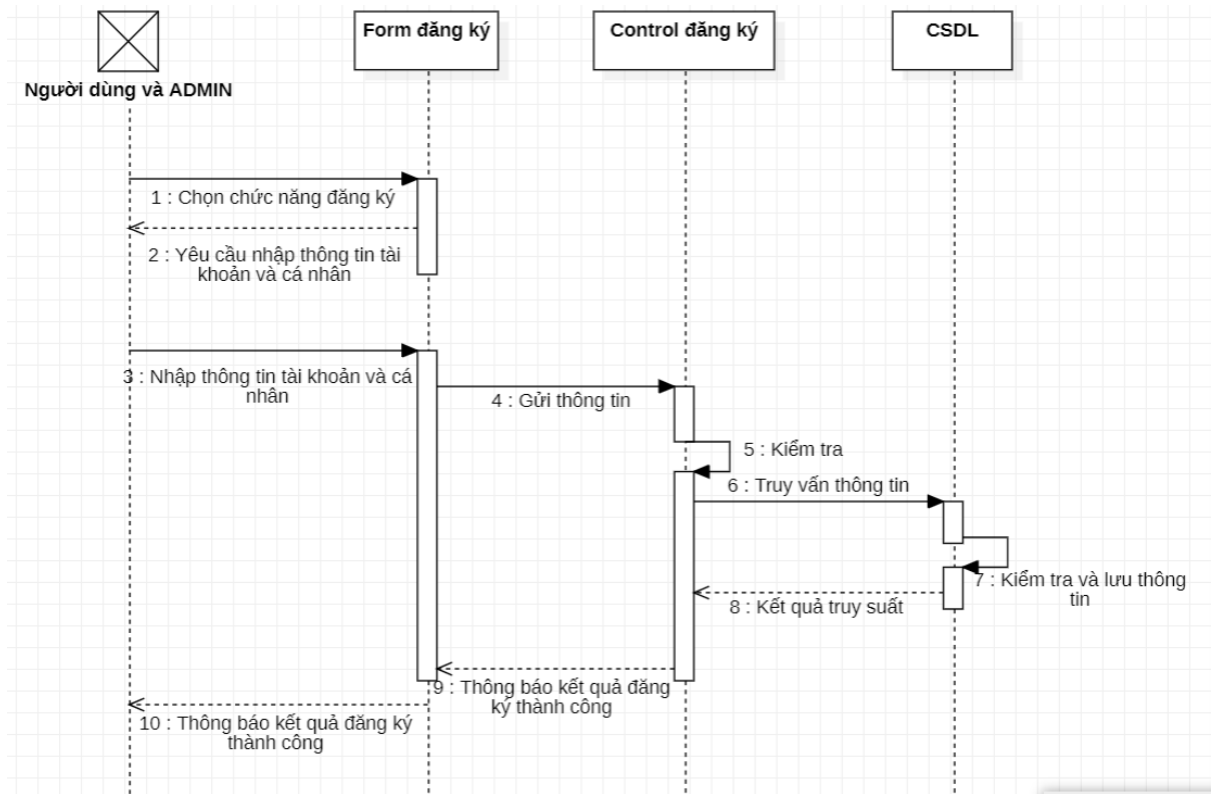
3.4. BIỂU ĐỒ TUẦN TỰ

3.4.1 Chức Năng Đăng Nhập



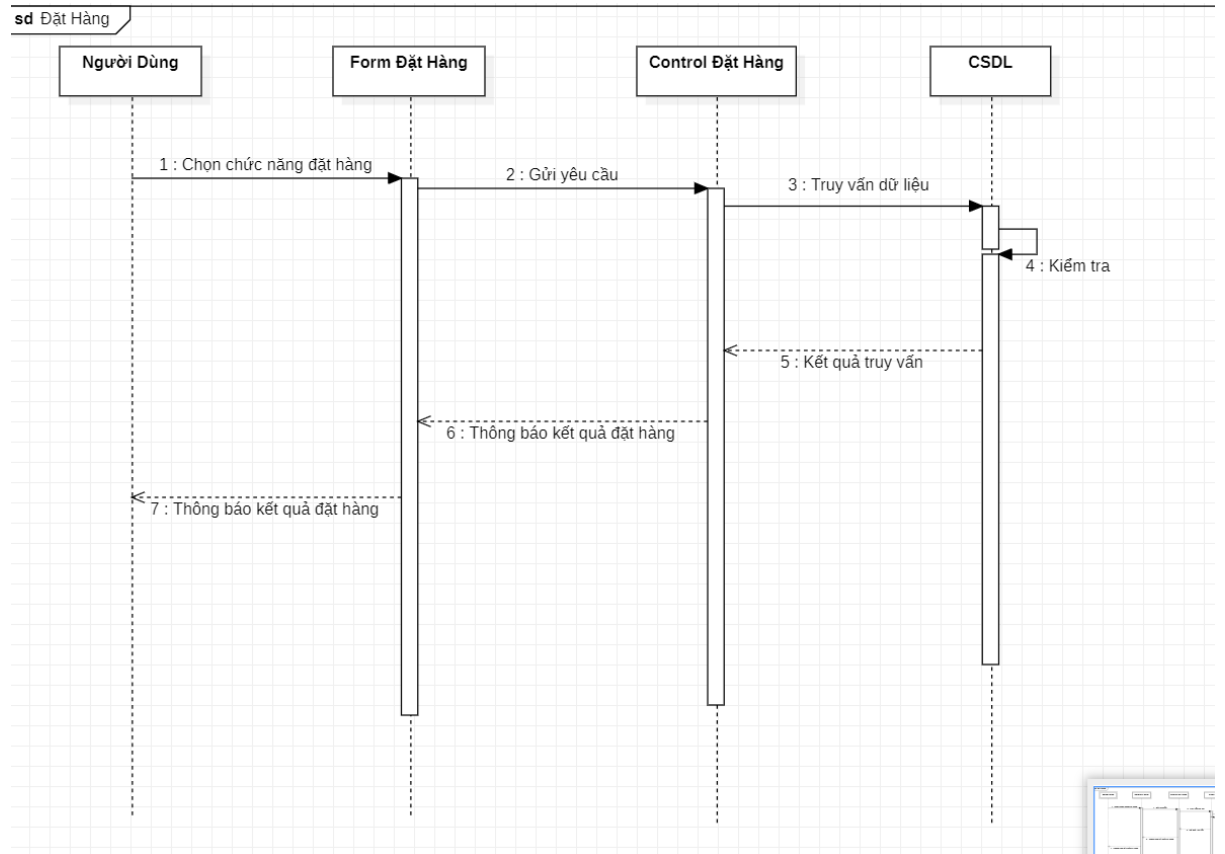
Hình 13: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Đăng Nhập

3.4.2 Chức Năng Đăng Ký



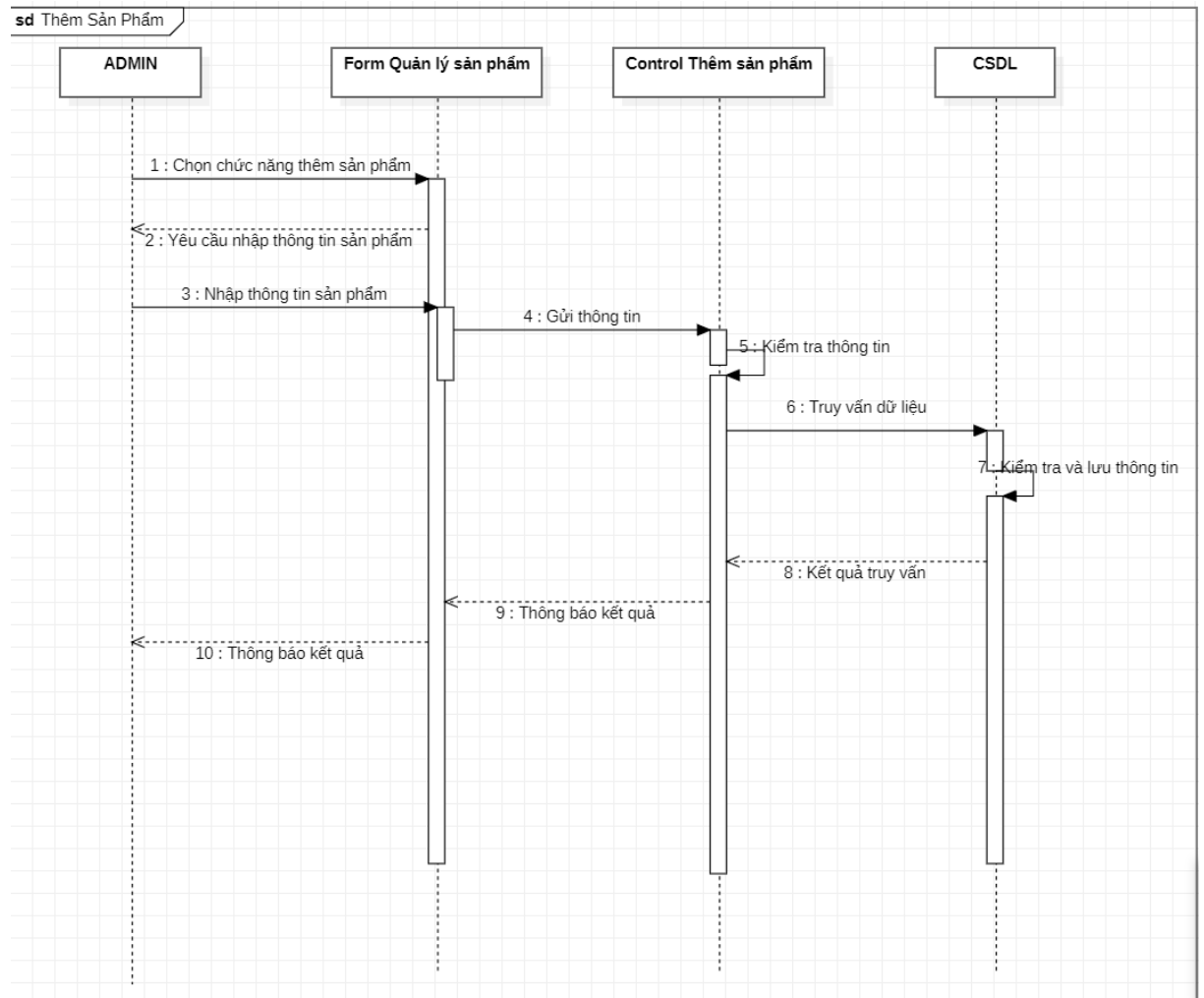
Hình 14: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Đăng Ký

3.4.3 Chức Năng Đặt Hàng



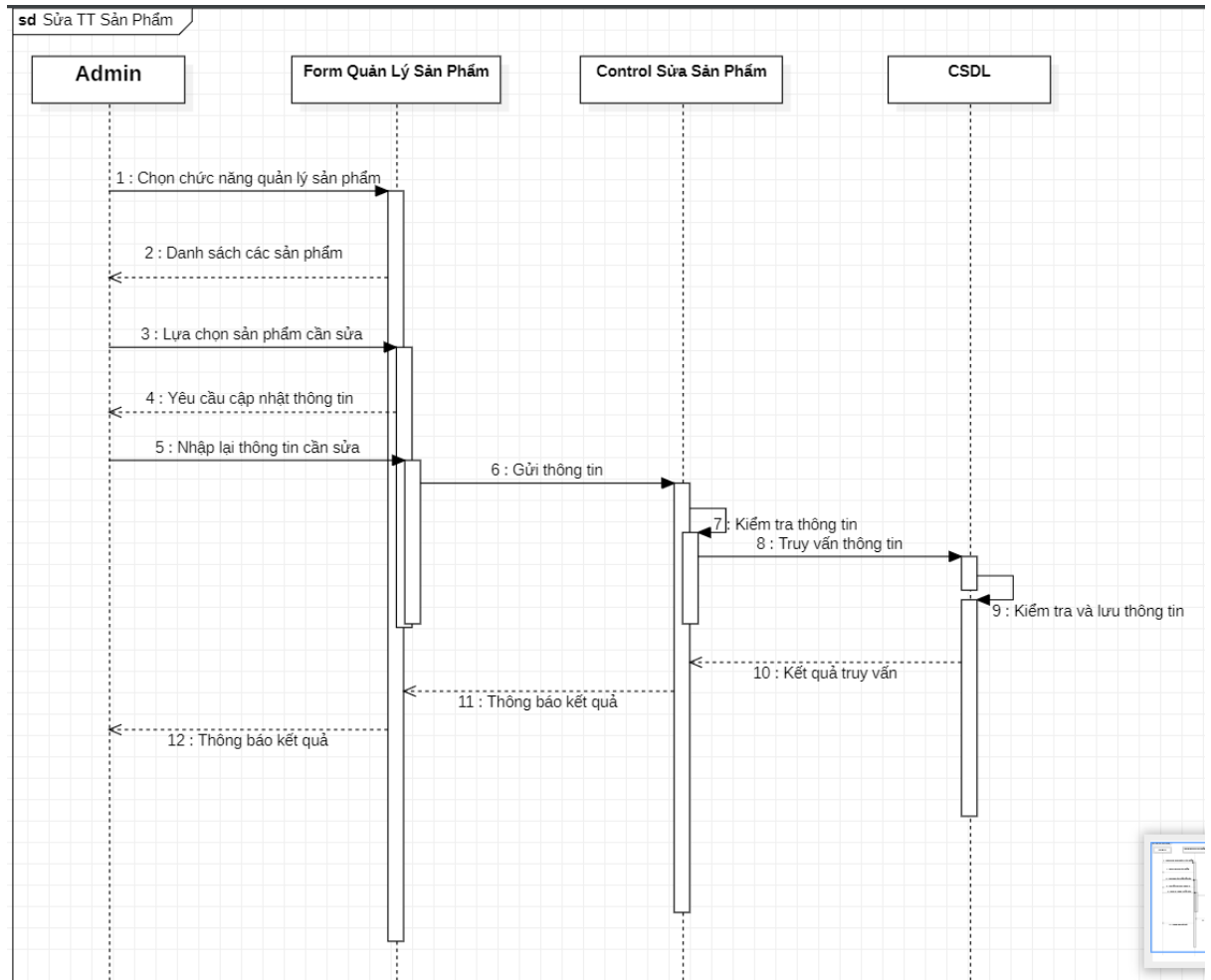
Hình 15: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Đặt Hàng

3.4.4 Chức Năng Thêm Sản Phẩm



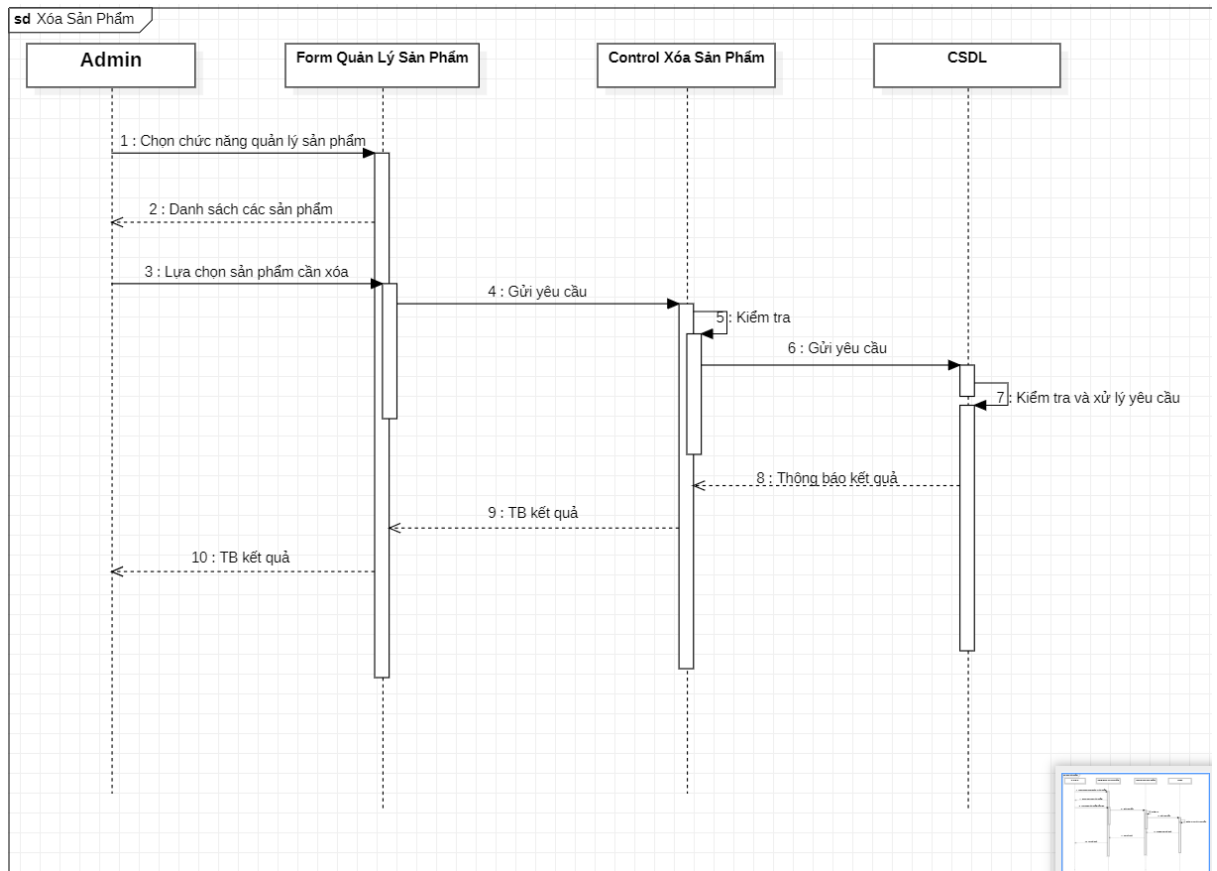
Hình 16: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Thêm Sản Phẩm

3.4.5 Chức Năng Sửa Thông Tin Sản Phẩm



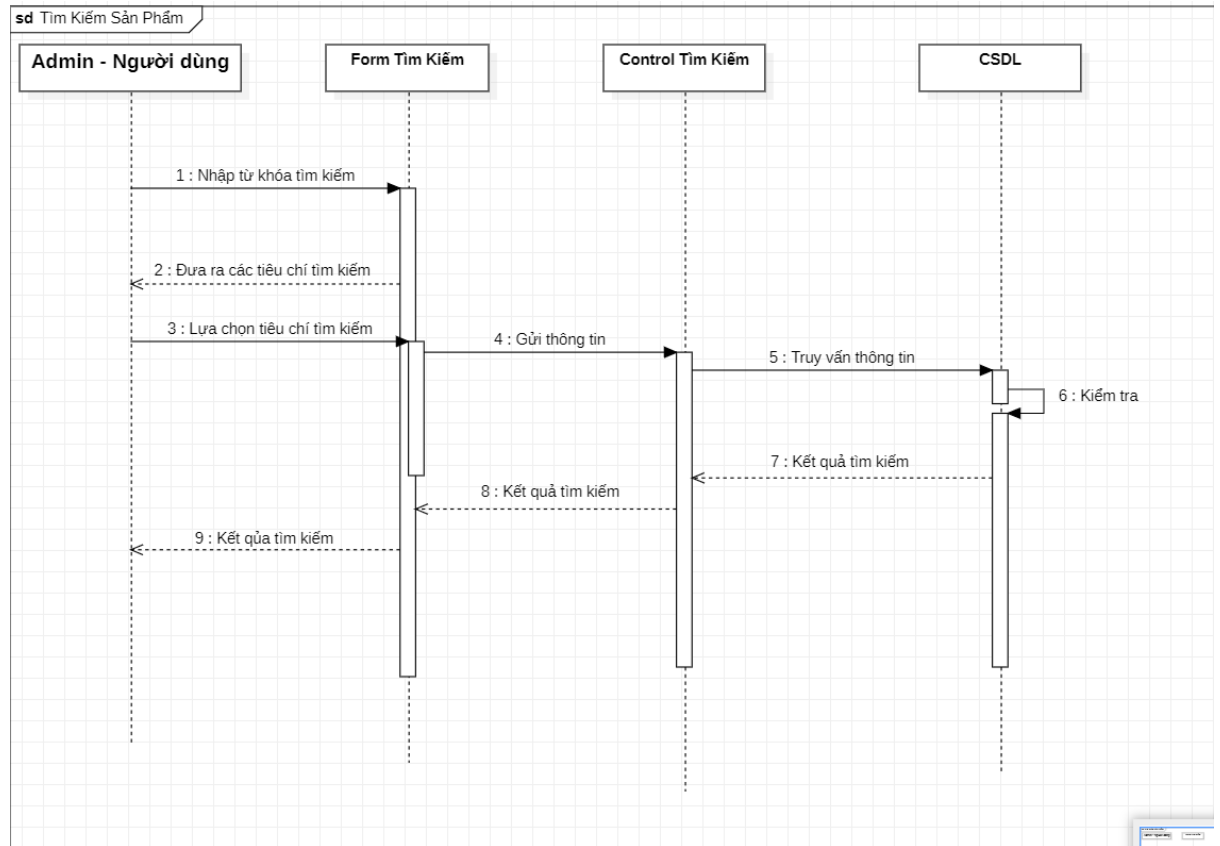
Hình 17: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Sửa Thông Tin Sản Phẩm

3.4.6 Chức Năng Xóa Sản Phẩm



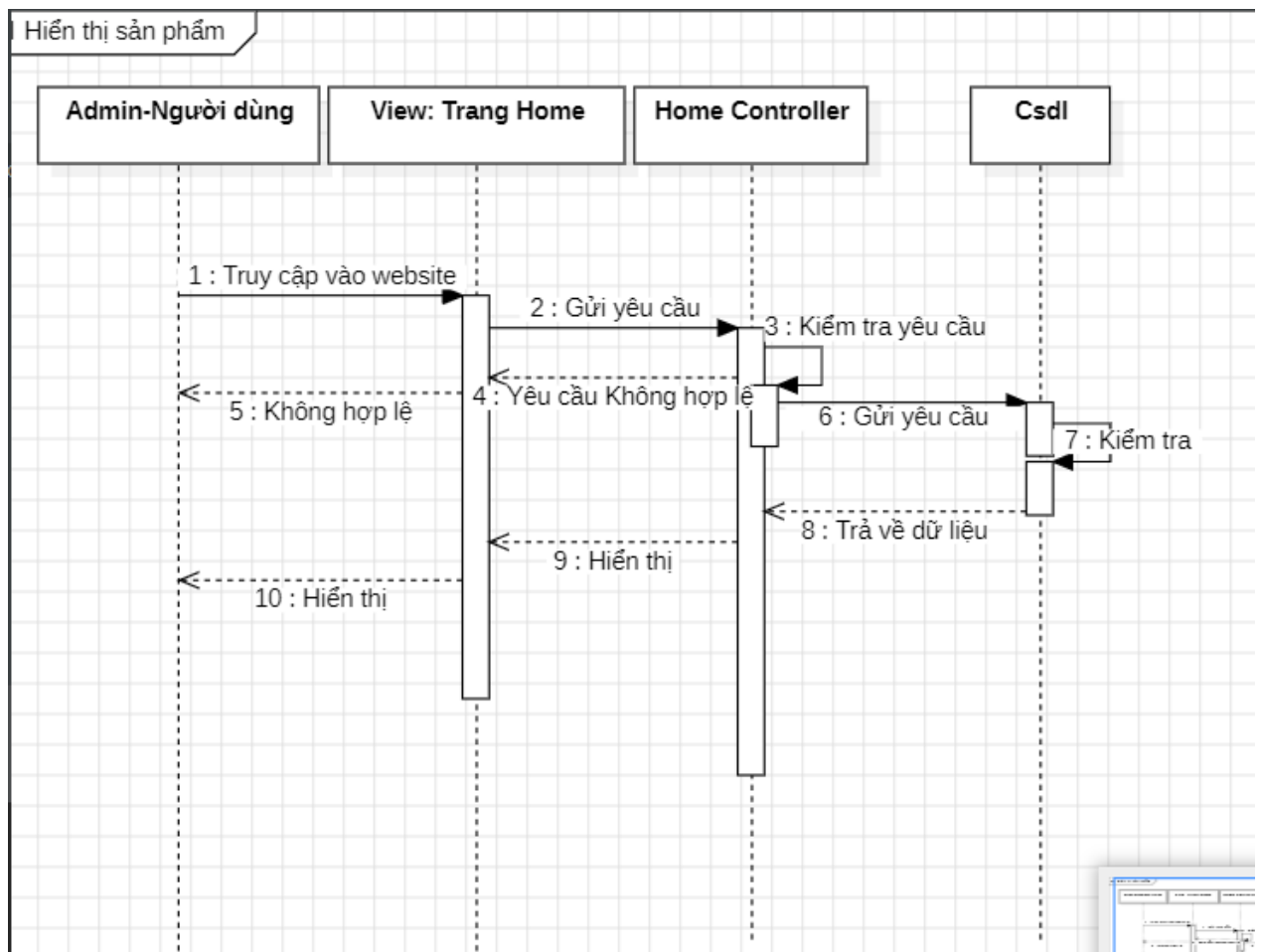
Hình 18: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Xóa Sản Phẩm

3.4.7 Chức Năng Tìm Kiếm Sản Phẩm



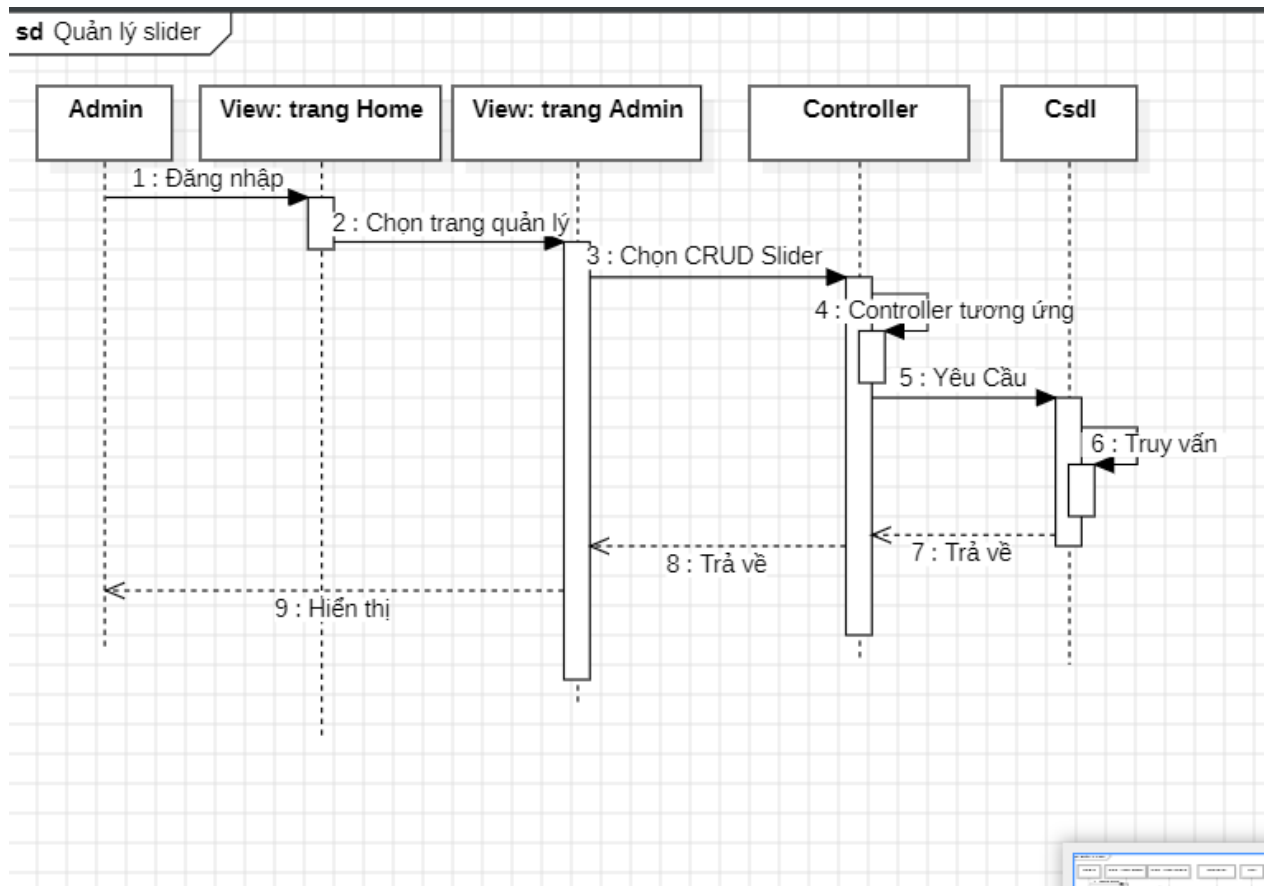
Hình 19: Biểu Đồ Tuần Tự Chức Năng Tìm Kiếm Sản Phẩm

3.4.8 Hiển thị Sản phẩm



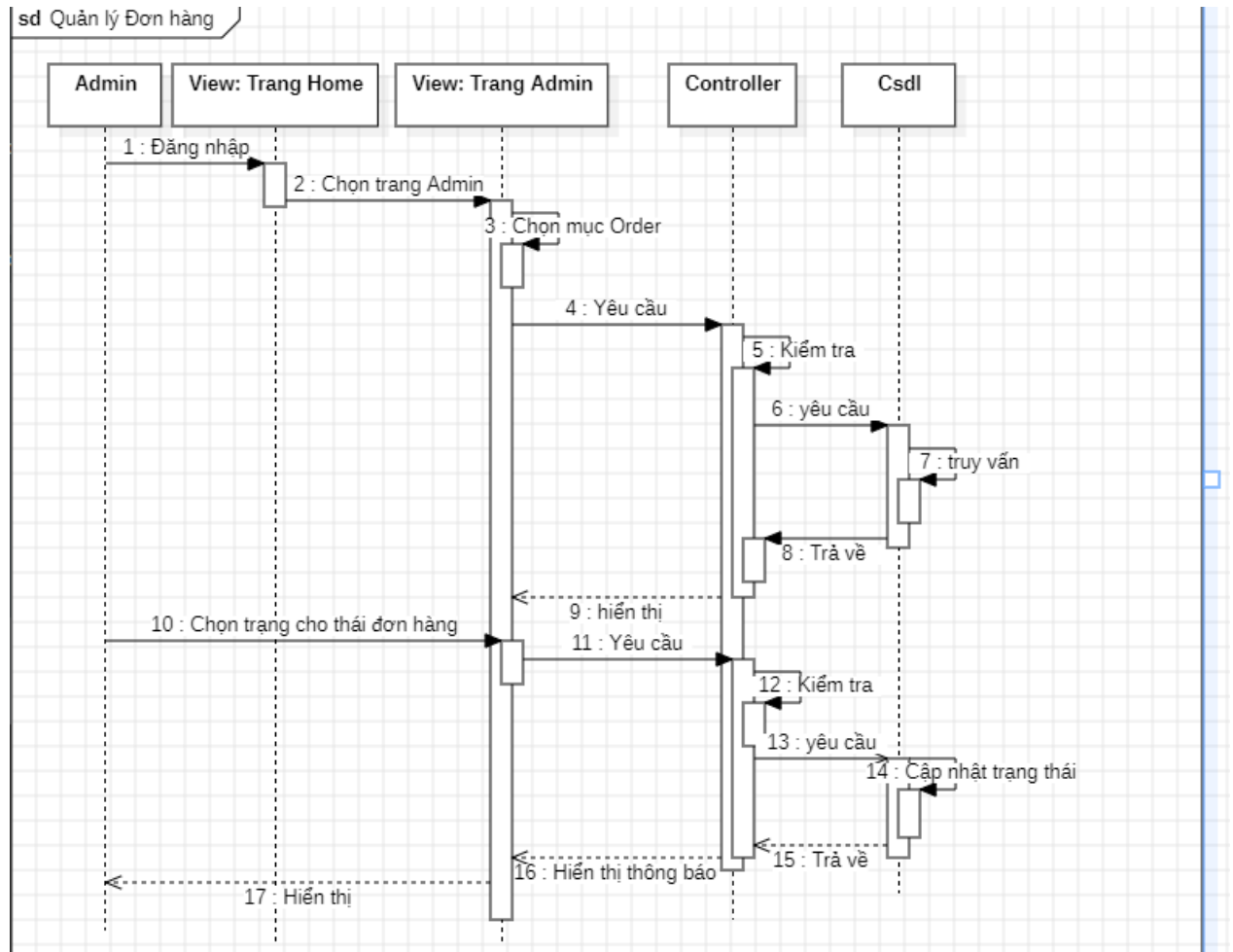
Hình 20 Sequence diagram chức năng Hiển thị sản phẩm

3.4.9 Chức năng quản lý slider



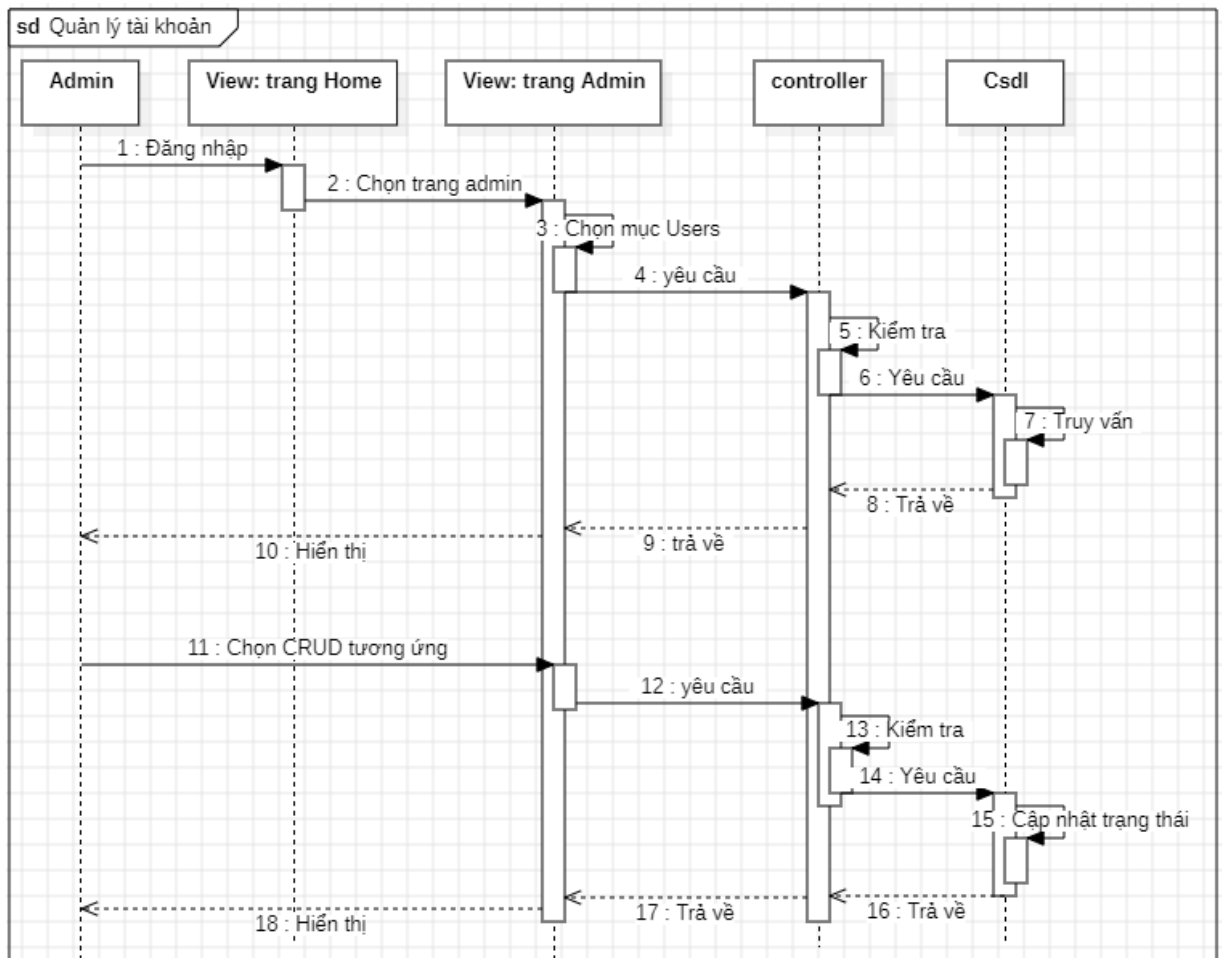
Hình 21 Quản lý slider

3.4.10 Chức năng quản lý đặt hàng



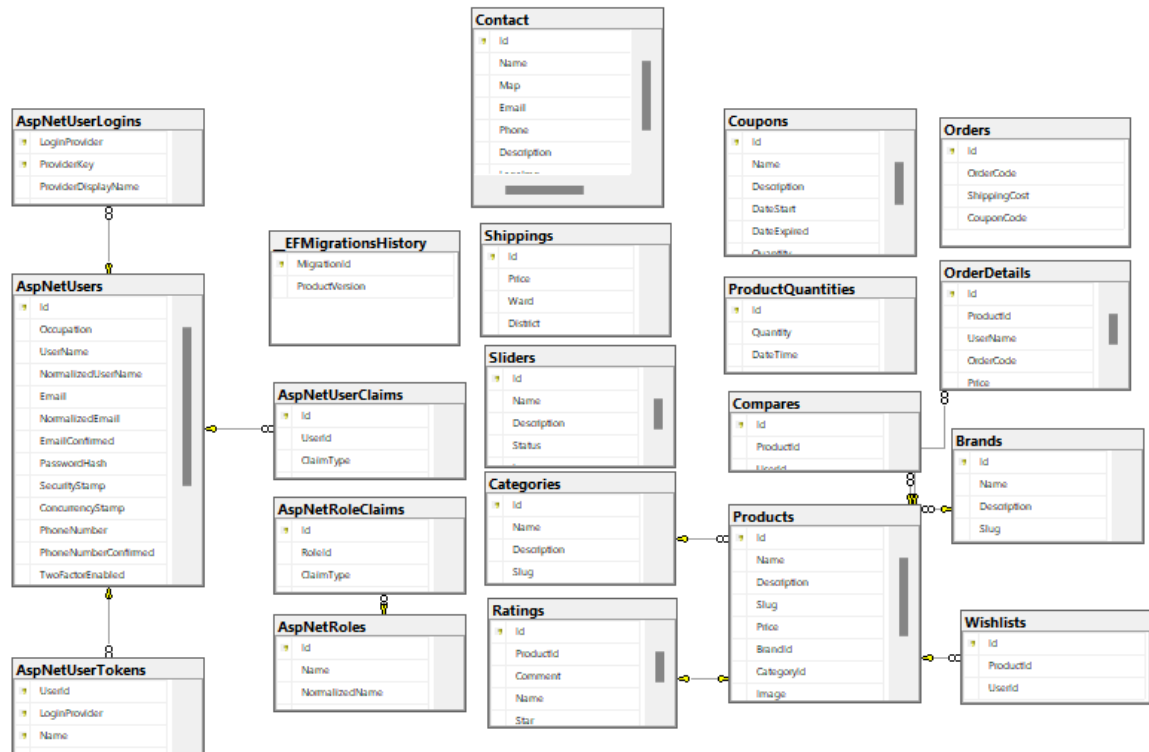
Hình 22 Quản lý đặt hàng

3.4.11 Chức năng quản lý tài khoản

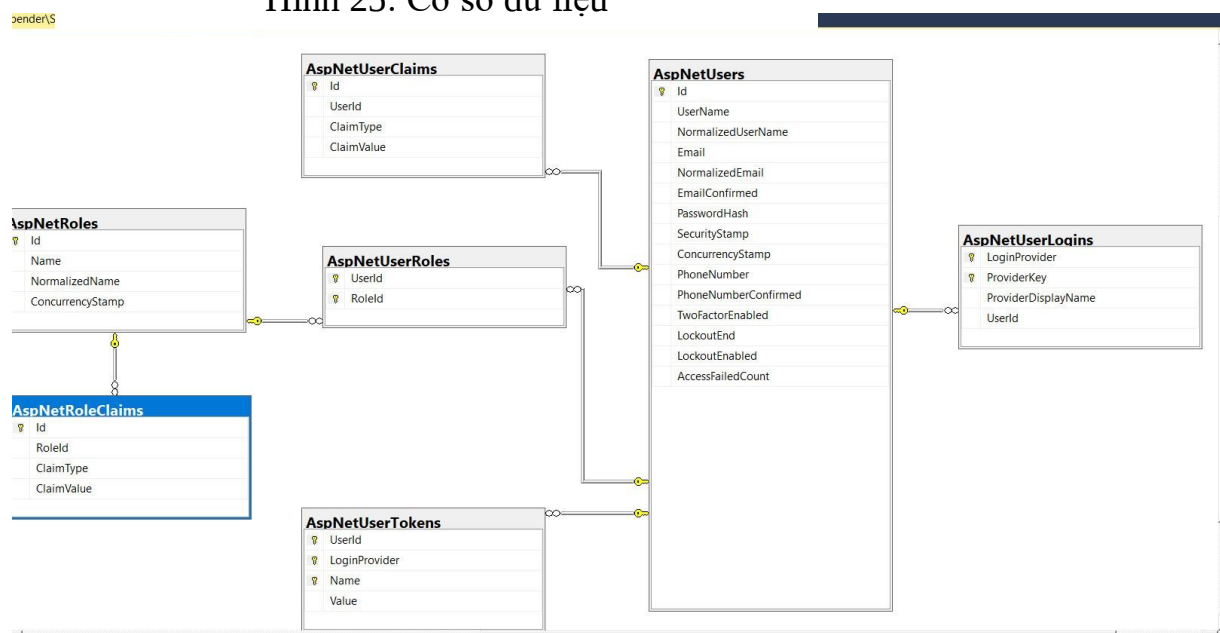


Hình 23: Quản lý tài khoản

3.5 THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU



Hình 25: Cơ sở dữ liệu



Hình 24: Entity Relationship Diagram 2

3.5.1 Bảng Products

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
ID	INT		Primary Key	Not null
Name	Nvarchar	MAX		Not null
Brand	Nvarchar	MAX		Not null
Slug	Nvarchar	MAX		
Description	Nvarchar	MAX		Not null
Price	Float			Not null
Category	Nvarchar	MAX		Not null
Photo	Nvarchar	MAX		Not null

3.5.2 bảng Orders

Thuộc tính	Kiểu Dữ liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
OrderID	INT		Primary Key	Not null
Shipped	Bit			Not null
Name	Nvarchar	MAX		Not null
Address1	Nvarchar	MAX		Not null
Address2	Nvarchar	MAX		Not null
City	Nvarchar	MAX		Not null
Zip	Nvarchar	MAX		Not null
OrderPlace	DateTime2	7		Not null

3.5.3 Bảng OrderDetail

Thuộc tính	Thuộc tính	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
OrderDetailID	INT		Primary Key	Not null
OrderID	INT			Not null
ProductID	INT			Not null
Quantity	INT			Null
Price	Float			

3.5.4 Bảng AspNetUsers

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
Id	Nvarchar	450	Primary Key	
UserName	Nvarchar	256		Null
NormalizedUserName	Nvarchar	256		Null
Email	Nvarchar	256		Null
NormalizedEmail	Nvarchar	256		Null
EmailConfirmed	Nvarchar	Bit		
PassWordHash	Nvarchar	MAX		Null
SecurityStamp	Nvarchar	MAX		Null
ConcurrencyStamp	Nvarchar	MAX		Null
PhoneNumber	Nvarchar	MAX		Null
PhoneNumberConfirmed	Bit			
TwoFactorEnabled	Bit			
LockoutEnd	DateTimeOffset	7		Null
LockoutEnabled	Bit			
AccessFailedCount	INT			

3.5.5 Bảng AspNetUserClaims

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
ID	INT		Primary Key	Not null
UserId	Nvarchar	450		Not null
ClaimType	Nvarchar	MAX		Null
ClaimValue	Nvarchar	MAX		Null

3.5.6 Bảng AspNetUserLogins

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
LoginProvider	Nvarchar	450	Primary Key	Not null
ProviderKey	Nvarchar	450	Primary Key	Not null
ProviderDisplayName	Nvarchar	MAX		Null
UserId	Nvarchar	450		Not null

3.5.7 Bảng AspNetUserTokens

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
UserId	Nvarchar	450	Primary Key	Not null
LoginProvider	Nvarchar	450	Primary Key	Not null
Name	Nvarchar	450	Primary Key	Null
Value	Nvarchar	MAX		Not null

3.5.8 Bảng AspNetRoles

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
ID	Nvarchar	450	Primary Key	Not null
Name	Nvarchar	256		Null
NormalizedName	Nvarchar	256		Null
ConcurrencyStamp	Nvarchar	MAX		Null

3.5.9 Bảng MigrationsHistory

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
MigrationID	Nvarchar	150	Primary Key	Not null
ProductVersion	Nvarchar	32		Not null

3.5.10 BảngAspNetUserRoles

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
UserId	Nvarchar	450	Primary Key	Not null
RoleId	Nvarchar	450	Primary Key	Not null

3.5.11 BảngAspNetRoleClaims

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
ID	INT		Primary Key	Not null
RoleId	Nvarchar	450		Not null
ClaimType	Nvarchar	MAX		Null
ClaimValue	Nvarchar	MAX		Null

3.5.12 BảngCategories

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
ID	INT		Primary Key	Not null
Name	Nvarchar	MAX		Not null
Description	Nvarchar	MAX		Not null
Slug	Nvarchar	MAX		Not null
Status	INT			Null

3.5.13 Bảng Brands

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
ID	INT		Primary Key	Not null
Name	Nvarchar	450		Not null
Description	Nvarchar	MAX		Not null
Slug	Nvarchar	MAX		Not null
Status	INT			Null

3.5.14 Bảng Contacts

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
ID	INT		Primary Key	Not null
Name	Nvarchar	450		Not null
Email	Nvarchar	MAX		Not null
Phone	Nvarchar	MAX		Not null
Description	Nvarchar	MAX		Not null
LogoImg	Nvarchar	MAX		Null

3.5.15 Bảng Slider

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
ID	INT		Primary Key	Not null
Name	Nvarchar	450		Not null
Description	Nvarchar	MAX		Not null
Status	INT	MAX		Not null
Img	Nvarchar	MAX		Null

3.5.16 Bảng WishLists

Thuộc tính	Kiểu Dữ Liệu	Độ Rộng	Khóa	Ghi Chú
ID	INT		Primary Key	Not null
ProductId	Nvarchar	450		Not null
UserId	Nvarchar	MAX		Not null

CHƯƠNG 4: XÂY DỰNG HỆ THỐNG

4.1 Giao diện đăng nhập và đăng kí

a. Đăng nhập

Login to your account

UserName

Admin002

Password

.....

Login

[Tạo tài khoản mới](#)

Hình 26: Đăng nhập UI

b. Đăng ký

New User Signup!

UserName

Admin002

Password

.....

Email

Create

Hình 27: Đăng Kí UI

4.2 Trang Slider

[Home](#) [Products](#) [Slider](#) [Categories](#) [Brands](#) [Orders](#) [Users](#) [Role](#) [Contact](#)
[Shipping](#) [Coupon](#)

Search

List Sliders

[Add sliders](#)

Copy CSV Excel PDF Print

Search:

Id	Slider Name	Description	slider image	slider Status	action
5	Slider-001	Winter		Hiện thị	Edit Delete
6	banner 2	sale		Hiện thị	Edit Delete

Hình 28 Trang Slider

4.3 Trang Cart

Home Shop ▾ Blog ▾ 404 Contact

Search 

Home Shopping Cart

Item	Price	Quantity	Total	
 Colorblock Scuba Web ID: 1089772	\$59	+ 1 -	\$59	
 Colorblock Scuba Web ID: 1089772	\$59	+ 1 -	\$59	
 Colorblock Scuba Web ID: 1089772	\$59	+ 1 -	\$59	

Hình 29 Trang Cart

4.4 Thêm Category

[illegible]

Hình 30 Category

4.5 Trang Order

Home

Products

Slider

Categorys

Brands

Orders

Users

Role

Contact

Shipping

Coupon

Search

List Brand

Add Brand

Copy

CSV

Excel

PDF

Print

Search:

#	Brand Name	Description	Brand Slug	Brand Status	
10	Adidas	Adidas is larger brand in the world	Adidas-	Hiện thị	Edit Delete
11	Nike	Nike is larger brand in the world	Nike	Hiện thị	Edit Delete
12	Ralph Lauren	Thương hiệu Ralph Lauren hướng đến phong cách vừa sang trọng, phóng khoáng và cổ điển theo gu thời trang của người Mỹ. Những thiết kế đẹp, ấn tượng đã và đang chinh phục tâm hồn biết bao những con người yêu và say đắm với thời trang đẳng cấp.	Ralph-Lauren	Hiện thị	Edit Delete
13	Gucci	Gucci được biết đến như một trong những nhà mốt sang trọng và quyền lực nhất ngành thời trang. Những thiết kế mang hơi hướng cổ điển pha phong cách hiện đại, kết hợp cùng kỹ nghệ thủ công bậc nhất đã tạo nên những sản phẩm mang tiêu chí quý tộc Ý. Thiết kế thủ công được chế tác điêu luyện, với lối thiết kế sang trọng khiến mọi tín đồ phải đổ gục. Từ quần áo, túi xách cho đến phụ kiện bất kỳ một thiết kế nào của Gucci đều chinh phục người dùng bằng sự đẳng cấp, tinh tế trong từng chi tiết.	Gucci	Hiện thị	Edit Delete
14	Luvis	Đẳng cấp trác tuyệt	Luvis	Hiện thị	Edit Delete
15	Hater	Nón snapback	Hater	Hiện thị	Edit Delete

Hình 31 Trang Order

4.6 Trang Brands

HomeProductsSliderCategorysBrandsOrdersUsersRoleContact

ShippingCoupon

Search

list Order

CopyCSVExcelPDFPrint

Search:

#	OrderCode	Shipping cost	coupon code	UserName	CreateDate	Status	Date	Action
31	daba507d-3045-4da9-8b74-bace91d84af3	0 VND		quainhan9xcute@gmail.com	1/4/2025 4:33:02 PM	Đơn hàng mới	04/01/2025	View Order Delete
32	4b13bba7-2ca4-4a11-aaaa-50a267786371	0 VND		quainhan9xcute@gmail.com	1/4/2025 4:34:49 PM	Đơn hàng mới	04/01/2025	View Order Delete
33	edbf1d1a-fe77-4805-a539-626ad19a27e6	0 VND		quainhan9xcute@gmail.com	1/7/2025 10:49:42 AM	Đã hủy	07/01/2025	View Order Delete
34	8e3a4d3c-d88b-415d-ab0f-b11058c871c4	45,000 VND		quainhan9xcute@gmail.com	1/7/2025 11:59:02 PM	Đang giao	07/01/2025	View Order Delete

Showing 1 to 4 of 4 entries

« < 1 2 3 4 > »

First

Previous

1

2

3

4

Hình 32 Trang Brands

4.7 Trang Users

HomeProductsSliderCategorysBrandsOrdersUsersRoleContactShippingCoupon

Search

List User

Add User

CopyCSVExcelPDFPrint

Search:

Id		User Name	Email	Password Hask	Phone	Role	
84dc54d4-0e93-4fb0-9cb3-62ef1eed770f	Admin002	quainhan9xcute@gmail.com	AQAAAAEAACcQAAAAEGS8IH5UsEVh/XRA8FpVleOuD2vFxYtedwGBdXJYxtbPRM1rDQX2D4HR/dPk/EKnWg==	03999999	Admin	Edit Delete	
	User_01	a@gmail.com	AQAAAAEAACcQAAAAEKaPa6nj7P4rWEQ9zdFH4J/L+kE30Z8CFnlBm6TA3vuJOIZ+pl3c1hrmDgORCPOwOw==	11333333	User	Edit Delete	

Showing 1 to 2 of 2 entries

<<

<

1

>

>>

Hình 33 Trang User

4.8 Trang Shipping

[Home](#) [Products](#) [Slider](#) [Categorys](#) [Brands](#) [Orders](#) [Users](#) [Role](#) [Contact](#) [Shipping](#) [Coupon](#)

Search

Q

Tỉnh thành phố

Tỉnh Thành

Quận huyện

Quận Huyện

Phường Xã

Phường Xã

Giá

vd: 20000

Create

Shipping List

Copy

CSV

Excel

PDF

Print

Search:

City	District	Ward	Price	Actions
Tỉnh An Giang	Huyện An Phú	Thị trấn An Phú	45,000 VNĐ	Delete
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	Xã Bình Ba	20,000 VNĐ	Delete

Showing 1 to 2 of 2 entries

«

<

1

>

»

Hình 34 Trang Shipping

4.9 Trang Coupon

[Home](#) [Products](#) [Slider](#) [Categorys](#) [Brands](#) [Orders](#) [Users](#) [Role](#) [Contact](#)
[Shipping](#) [Coupon](#)

Search 

Create Coupon

Name

Description

Date Start

Date Expired

Quantity

Status

Create

Copy

CSV

Excel

PDF

Print

Search:

Name	Description	Date Started	Date Expired	Quantity	Active	Status
Giảm giá 10% khi mua sắm	Giảm giá 10% khi mua sắm từ 8/1/2025 đến 12/1/2025	08-01-2025	12-01-2025	1	Kích h	2 days left
Todaytest	giảm giá 10%	08-01-2025	10-01-2025	1	Kích h	1 days left

Showing 1 to 2 of 2 entries

« < 1 > »

Hình 35 Trang Coupon

4.10 Trang quản lý Role

Home

Products

Slider

Categorys

Brands

Orders

Users

Role

Contact

Shipping

Coupon

Search

Q

List Role

Add Role

Copy

CSV

Excel

PDF

Print

Search:

Showing 1 to 3 of 3 entries

«

<

1

>

»

Hình 36 Trang Role

4.11 Trang Lịch sử mua hàng

+84397067001

info@domain.com

f

twitter

in

g+

style&read

Cart

Hi_Admin002, Logout

Checkout

Account

Wishlist

Compare

Admin

USA

DOLLAR

Home

Shop

Blog

404

Contact

Search

Search

List Orders History placed by: quainhan9xcute@gmail.com

Id	Order Code	Shipping Cost	Coupon	UserName	Order Status	Created Date	Action
34	8e3a4d3c-d88b-415d-ab0f-b11058c871c4	45,000 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đang giao	07-01-2025	
33	edbf1d1a-fe77-4805-a539-626ad19a27e6	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đã hủy	07-01-2025	
32	4b13bba7-2ca4-4a11-aaea-50a267786371	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đơn hàng mới	04-01-2025	Hủy đơn hàng
31	daba507d-3045-4da9-8b74-bace91d84af3	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đơn hàng mới	04-01-2025	Hủy đơn hàng
30	bfe42d39-6905-4f70-ad63-430f193fd528	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đơn hàng mới	04-01-2025	Hủy đơn hàng
29	17a3f87c-2895-4f3e-b65c-3cb9ddcfc86e	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đơn hàng mới	04-01-2025	Hủy đơn hàng
28	1c831110-e4b7-462a-886c-fd88fcfdb5de	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đã giao hàng	04-01-2025	
27	f1bc04b0-050b-44e0-9393-3ca4e891a4ef	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đơn hàng mới	04-01-2025	Hủy đơn hàng
26	ae49fb67-491c-4f27-9e65-4a9b881101fb	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đơn hàng mới	04-01-2025	Hủy đơn hàng
25	f31f3262-463f-402b-86c9-a0c3bdca86d3	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đã giao hàng	04-01-2025	
24	fdbbb377-5d02-4bbb-9971-3234c7a635b4	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đơn hàng mới	06-12-2024	Hủy đơn hàng
21	066391c7-4d38-43f2-8d27-9aca30266980	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đã giao hàng	06-12-2024	
18	f64bef50-0c31-443f-82ab-98be6eae5032	0 đ		quainhan9xcute@gmail.com	Đơn hàng mới	05-12-2024	Hủy đơn hàng

Hình 37 Trang History

CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.1 Kết Luận

Sau quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và tập trung triển khai đề tài, em đã hoàn thành được website thương mại điện tử cho với giao diện tương đối dễ nhìn, thân thiện với người dùng thông qua các thao tác đơn giản dễ hiểu.

Qua quá trình phát triển website em đã có thêm nhiều kiến thức về việc sử dụng mô hình MVC trong thiết kế web, các kiến thức về html, javascript, css, cách sử dụng thư viện bootstrap, jquery,... Bên cạnh đó có thêm được khá nhiều kiến thức chuyên ngành qua việc tìm hiểu các kiến thức lập trình áp dụng vào website này. Do vậy, kỹ năng tự học và việc vận dụng kiến thức đã được nâng cao hơn.

a.Ưu điểm:

Cơ bản nắm được cách xây dựng website bằng asp.net qua mô hình MVC thực hiện đúng quy trình. Xây dựng bố cục website logic, hợp lý, bước đầu thực hiện nghiệp vụ của hệ thống...

b.Nhược điểm:

Website nhỏ, mang tính chất mô phỏng còn nhiều chức năng chưa phát triển, chưa publish website lên hosting. Cơ sở dữ liệu nhỏ phân quyền chưa tối ưu. Chưa xử lý được một cách hoàn thiện chức năng thanh toán online và giao hàng. Vẫn còn một số lỗi nhỏ khi vận hành.

c.Hướng phát triển:

Tối ưu hóa chức năng đặt hàng và thanh toán trực tuyến. Phân quyền tối ưu hơn, mở rộng cơ sở dữ liệu, phát triển thêm các chức năng mới như khách hàng thân thiết, tích điểm, gửi cho khách hàng các voucher. Khắc phục các lỗi nhỏ khi vận hành.

Cải thiện tốc độ tải trang: Tối ưu hóa hình ảnh và mã nguồn để tăng tốc độ tải trang và giảm tỷ lệ thoát trang.

Phát triển tính năng cá nhân hóa: Tạo các đề xuất nội dung và trải nghiệm người dùng tùy chỉnh dựa trên hành vi và sở thích.

Tăng cường bảo mật: Cập nhật thường xuyên để bảo vệ dữ liệu người dùng để đảm bảo website an toàn. Publish website đưa lên hosting. Tối ưu hóa tốc độ xử lý... cải thiện chức năng trò chuyện với khách hàng và bình luận, Thêm ChatBot,..

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1.] Pro ASP.NET Core 6: Develop Cloud-Ready Web Applications Using MVC, Blazor, and Razor Pages- Adam Freeman
- [2.] <https://dotnet.microsoft.com/en-us/apps/aspnet>
- [3.] <https://www.w3schools.com/>
- [4.] <https://tedu.com.vn/lap-trinh-aspnet-core/>
- [5.] <https://xuanthulab.net/lap-trinh-c-c-sharp/>
- [6.] <https://hiepsiit.com/detail/aspxmvc/asp-net-mvc>
- [7.] <https://www.tutorialsteacher.com/mvc>
- [8.] <https://dotnet.edu.vn/ChuyenMuc/ASPNET-MVCBai-1-Gioi-thieu-ve-ung-dung-Web-ASPNET-MVC-4283.aspx>
- [9.] <https://www.tailieubkhn.com/2022/01/phan-tich-va-thiet-ke-he-thong-tai-lieu.html>